

Số:

01 /NQ-PLC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày

14/04/2016



NGHỊ QUYẾT

**Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2016
Tổng công ty Hóa Dầu Petrokimex-CTCP**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13, thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2015;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và các văn bản Pháp luật khác về Chứng khoán, Thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Hóa Dầu Petrokimex-CTCP;
- Căn cứ nội dung Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP ngày 14/04/2016;
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP ngày 14/4/2016,

QUYẾT NGHỊ :

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP (PLC) nhất trí thông qua :

1. Báo cáo Kết quả SXKD, về hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc năm 2015 (chi tiết đính kèm);
2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng công ty PLC (Chi tiết đính kèm);
3. Báo cáo của HĐQT Tổng công ty PLC về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2015 (chi tiết đính kèm);
4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng KSV năm 2015 (chi tiết đính kèm);
5. Báo cáo kết quả thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu năm 2015 cho Cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Tổng công ty PLC trong năm 2015 (Chi tiết đính kèm);
6. Báo cáo Quyết toán thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty PLC năm 2015 :

- Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của HĐQT là: 1.402.675.840 đồng
- Tổng tiền thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của BKS là: 1.306.487.672 đồng

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015, với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận thực hiện 2015	423.624.956.880
2	Thuế TNDN	95.014.937.387
3	Lợi nhuận sau thuế	328.610.019.493
4	Chia cổ tức	242.392.698.000
5	Quỹ đầu tư phát triển	69.210.589.531
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.310.557.122
7	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	696.174.840

8. Kế hoạch SXKD năm 2016 của PLC (chi tiết đính kèm) với một số chỉ tiêu cơ bản sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016	KH 2016/ TH 2015
1	Sản lượng	Tấn; m3	412.611	354.475	85,91
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6.971.957	6.000.252	86,06
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	423.625	387.177	91,39
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	328.610	311.342	94,74
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	26,61	24,64	92,59
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	43,51	38,53	88,55
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30%	Tối thiểu 20%	

9. Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty PLC năm 2016 :

- Mức thù lao (hoạt động kiêm nhiệm) của Thành viên HĐQT bằng 20% tiền lương của Phó TGĐ trong năm 2016;
- Mức thù lao (hoạt động kiêm nhiệm) của Thành viên BKS bằng 14% tiền lương của Phó TGĐ trong năm 2016;
- Tiền lương năm 2016 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và tiền lương các chức danh quản lý điều hành khác được thực hiện theo Quy chế trả lương cán bộ quản lý của PLC (đã được cổ đông chi phối - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam thông qua) và hướng dẫn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (nếu có), tương ứng với việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao năm 2016 (bao gồm cả việc điều chỉnh kế hoạch - nếu có);
- Trường hợp thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ giao năm 2016, thu nhập bổ sung cho các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành được HĐQT PLC xem xét, quyết định phù hợp từng mức độ vượt, đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ theo từng vị

trí, tiệm cận với cơ chế thu nhập theo hiệu quả hoạt động, có tính thực tiễn theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần .

- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Trưởng BKS Tổng công ty chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Phó Tổng Giám đốc PLC;
- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Thành viên BKS chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Trưởng phòng nghiệp vụ PLC.

10. Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Tổng công ty PLC năm 2016: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty lựa chọn một trong những đơn vị dưới đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty, đó là:

- Công ty TNHH KPMG (KPMG)
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

11. Nội dung Sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty: (chi tiết đính kèm)

Nơi nhận

- UBCKNN (thay b/c);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (công bố TT);
- TT Lưu ký CKVN (công bố TT);
- Công bố thông tin trên Website PLC;
- HĐQT TCTXDVN (để biết);
- Các TV, HĐQT PLC (để chỉ đạo T/h);
- Các TV, BKS PLC (để kiểm soát);
- Ban TGD PLC (để tổ chức T/h);
- CT kiêm GD C.Ty NĐ (để tổ chức T/h);
- CT kiêm GD C.Ty HC (để tổ chức T/h);
- Lưu VT, HĐQT PLC.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP


PHẠM BÁ NHUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

Năm 2015, PLC tiếp tục phát triển bền vững và thu được nhiều thành tựu ở các ngành hàng. Trong bối cảnh giá dầu mỏ biến động khó lường, một lần nữa PLC đã khẳng định được con đường phát triển đúng đắn của mình. Đó là kiên trì mục tiêu đầu tư công nghệ, nắm bắt xu hướng thị trường và các cơ hội kinh doanh trong ngành nghề cốt lõi. Kiên trì mục tiêu đã giúp PLC nắm bắt tốt nhất cơ hội kinh doanh khi Nhà nước đẩy mạnh đầu tư công trong năm 2015, khẳng định vị trí dẫn đầu trong ngành hàng nhựa đường và giữ vững vị trí hàng đầu ở các ngành hàng khác, chính là nguyên nhân chính giúp PLC hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao cho.

Năm 2015, doanh thu toàn Tổng công ty đạt 6.916 tỷ đồng, đạt 114% KH ĐHĐCĐ giao, tăng trưởng 2 % so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế đạt 423 tỷ đồng, đạt 120% KH ĐHĐCĐ giao và tăng trưởng 23% so với cùng kỳ.

Với 5 thành viên, trong đó, Chủ tịch HĐQT làm việc chuyên trách, HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, giúp HĐQT hoạt động theo đúng Điều lệ và hiệu quả. Cụ thể như sau:

- 1- Ông Phạm Bá Nhuận – Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách chung, quản lý công tác về tổ chức, nhân sự và tiền lương.
- 2- Ông Nguyễn Văn Khánh - Ủy viên HĐQT không điều hành, quản lý công tác đầu tư, công nghệ.
- 3- Ông Nguyễn Văn Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc , phụ trách lĩnh vực kinh doanh dầu mỡ nhờn.
- 4- Ông Vũ Văn Chiến – Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh nhựa đường.
- 5- Ông Hà Thanh Tuấn - Ủy viên HĐQT - phụ trách lĩnh vực kinh doanh hóa chất.

Trong năm 2015, HĐQT đã triệu tập 8 phiên họp và tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản 14 lần để ra nghị quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT quyết định (Chi tiết nội dung các nghị quyết của HĐQT đã được công bố trong Báo cáo quản trị Tổng công ty năm 2015 đính kèm). Qua đó, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thông qua việc:

- Định kỳ hàng quý, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, từ đó đề ra những mục tiêu cụ thể và thông qua các chủ trương, tư vấn biện pháp thực hiện cho ban điều hành.

- Giám sát công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định.
- Hỗ trợ/huy động vốn hiệu quả nhất giữa các Công ty và nguồn vốn bên ngoài phục vụ kinh doanh và đầu tư phát triển của PLC.
- Chuẩn bị ĐHCĐ thường niên, xây dựng kế hoạch năm 2016 trình ĐHCĐ phê duyệt.

Để tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, trong năm qua, HĐQT đã tiếp tục xem xét, đánh giá và hoàn thiện hệ thống quy trình, từng bước nghiên cứu, áp dụng phương pháp quản trị tiên tiến. Kết quả được thể hiện qua:

- Các Quy chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp, Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của PLC đầu tư vào doanh nghiệp khác, Quy chế hoạt động của HĐQT đã được hoàn thiện, bổ sung sửa đổi phù hợp với quy định mới của Nhà nước và pháp luật.
- Chỉ đạo ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.

Trong năm 2016, được đánh giá là kinh tế phát triển ổn định, tuy nhiên, các gói đầu tư công cho hạ tầng giao thông không còn nhiều và không yêu cầu các sản phẩm nhựa đường cao cấp – là lợi thế của PLC, ngành hàng kinh doanh dầu mỡ nhờn của PLC đang mất dần lợi thế cạnh tranh, các đối tác kinh doanh trong giai đoạn trước đang trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp trên thị trường, nên xác định mục tiêu giữ được hiệu quả kinh doanh như năm 2015 là rất khó khăn. HĐQT nhận định, mục tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2016 là 387 tỷ đồng. Đây là nhiệm vụ khó khăn và chỉ có thể thực hiện được khi tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đề ra trong giai đoạn phát triển 2014-2018 là:

- Giữ vững và khai thác hiệu quả hơn nữa thị trường, khách hàng đang có, thông qua hợp tác chặt chẽ sâu rộng với từng thành viên trong Tập đoàn Petrolimex.
- Bước đầu tiến hành việc xúc tiến bán hàng ra thị trường ngoài nước, làm tiền đề cho sự phát triển, trở thành Tổng công ty mang tầm cỡ khu vực và quốc tế trong tương lai.
- Tập trung đầu tư cơ sở vật chất hợp lý, tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành hàng hóa chất, nhằm mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh doanh trong trung hạn.
- Giữ vững hiệu quả sử dụng vốn, giảm tuổi nợ của nhóm khách hàng lớn, xử lý nợ khó đòi và tăng vòng quay hàng tồn kho. Tiết kiệm chi phí, gồm cả chi phí tài chính và chi phí kinh doanh trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con.
- Tiếp tục quá trình tái cấu trúc tổ chức và quản trị doanh nghiệp để PLC thực sự hoạt động theo mô hình Tổng công ty.
- Huy động vốn trên thị trường bằng phát hành cổ phiếu ra công chúng để giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông chi phối.

Những kết quả khả quan đạt được trong năm vừa qua là động lực và minh chứng cho tinh thần làm việc hiệu quả, nghiêm túc, đoàn kết và cầu thị của HĐQT. Để có được những thành quả này, HĐQT xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác bền chặt của khách hàng và các đối tác. HĐQT xin đặc biệt dành lời cảm ơn và sự khích lệ tới toàn thể CBCNV đã nỗ lực tạo dựng PLC trở thành một Tổng công ty mạnh của Petrolimex trong ngày hôm nay.

Thay mặt Hội đồng quản trị, xin trân trọng cảm ơn Quý vị cổ đông và nhà đầu tư đã tin nhiệm lựa chọn và ủng hộ HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

A red circular stamp of the Petrokimex Corporation (CTCP) is positioned over a blue ink signature. The stamp contains the text "M.S.D.N: 0101463614-C.T.C.P.", "TỔNG CÔNG TY", "HÓA DẦU", "PETROLIMEX", and "CTCP". The signature is a stylized blue line that extends to the right of the stamp.

PHẠM BÁ NHUÂN



Hà nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD, HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TGD
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-HĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông
thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex ban hành ngày 05/05/2014;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-PLC-HĐCĐ ngày 20/04/2014;
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (sau đây viết tắt là Tổng công ty) được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam,

Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (sau đây viết tắt là Ban kiểm soát/BKS) đã trình và Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua kết quả hoạt động SXKD, hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc như sau:

I. BÁO CÁO KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY.

1. Tình hình chung năm 2015

1.1. Tình hình kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty.

- Trong năm 2015, mặc dù nền kinh tế thế giới có những diễn biến bất lợi nhưng kinh tế Việt Nam vẫn có sự phục hồi và đạt được những kết quả tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 6,68%, mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008. Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả năm khoảng 0,63%, là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây.

- Mặt bằng lãi suất ổn định và duy trì ở mức thấp. Tuy nhiên, cùng với việc Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) điều chỉnh tăng lãi suất thêm 0,25% tỷ giá VND/USD không còn được ổn định như năm 2014. Trong năm 2015, tỷ giá đã được điều chỉnh 2 lần với tổng mức điều chỉnh là 2% (hết biên độ theo cam kết của NHNN) ngoài ra biên độ tỷ giá cũng được điều chỉnh từ +/- 1% lên +/- 3%. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính của Tổng công ty.

- Thị trường dầu thô thế giới vẫn diễn biến khó lường theo hướng giảm giá kéo dài. Tính từ năm 2014, giá dầu (WTI) đã giảm hơn 62%, và riêng trong năm 2015, giá dầu giảm hơn 30%, có thời điểm xuống dưới 36 USD/Thùng.

1.2. Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2015.

1.2.1. Thuận lợi

- DMN Petrolimex, Nhựa đường Petrolimex, Hóa chất Petrolimex là những thương hiệu lớn trên thị trường, tiếp tục được khẳng định về chất lượng và uy tín.

- Thông qua các Công ty xăng dầu, hệ thống phân phối các sản phẩm DMN rộng khắp toàn quốc tạo điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá và tiêu thụ sản phẩm của Tcty.

- Hệ thống Kho, Bể, Nhà máy sản xuất DMN, Nhựa đường, Hóa chất trải dài trên toàn quốc với cơ sở vật chất, công nghệ hiện đại là lợi thế riêng biệt của Tổng Công ty góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Các sản phẩm mới của Tổng Công ty, đặc biệt là sản phẩm nhựa đường Polime, nhựa đường nhũ tương... đã và đang gia tăng lợi thế cạnh tranh cũng như đem lại biên lợi nhuận cao cho ngành hàng nhựa đường nói riêng và cho Tổng Công ty nói chung.

- Nhiều dự án giao thông trọng điểm đang thi công ở giai đoạn cuối với nhu cầu sử dụng nhựa đường lớn như: các DA nâng cấp, mở rộng một số đoạn Quốc lộ 1A tại miền Trung và miền Nam, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, nâng cấp Quốc lộ 3 Hà Nội - Thái Nguyên, nâng cấp Quốc lộ 2, cao tốc Hà Nội - Bắc Giang...

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng giao thông đa dạng (TPCP, ODA...), nhiều dự án được đầu tư theo hình thức BOT, BT, BTO tạo thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thi công, và giải ngân.

1.2.2. Khó khăn

- Trong cả 3 ngành hàng DMN, nhựa đường, hóa chất, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt và khốc liệt. Nhiều đối thủ với tiềm lực tài chính mạnh, thương hiệu từ các tập đoàn lớn trên thế giới (DMN: BP Castrol, Total, Caltex, Shell, JXNipon Oil... Nhựa đường: Adco, ICT, Tratimex, Puma, Stone, Công ty Minh Đạt...) đã và đang tham gia sâu vào thị trường Việt Nam khiến cho việc chiếm lĩnh và giữ vững thị phần của Tổng Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức.

- Thị trường xuất khẩu của Tổng Công ty chưa có sự tăng trưởng.

- Thị trường dầu mỏ thế giới biến động khó lường theo hướng giảm sâu và kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Tổng Công ty.

- Trong năm 2015, ngoài ngành hàng nhựa đường có tổng cầu tăng cao, nhu cầu về DMN và hóa chất vẫn ở mức trung bình, chưa có dấu hiệu gia tăng.

- Mặc dù lãi vay ngân hàng ở mức ổn định nhưng sự biến động về tỷ giá đã làm cho chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá của Tổng Công ty tăng đột biến so với năm 2014 cũng như so với dự kiến kế hoạch. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của Tổng Công ty, đặc biệt là đối với ngành hàng hóa chất.

2. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD và tình hình tài chính năm 2015

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng công ty do Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam kiểm toán và phát hành báo cáo ngày 25/03/2016.

- Theo ý kiến của Kiểm toán viên, BCTC hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất năm 2015

Đơn vị tính: Tấn, m3/triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	So thực hiện năm 2015 với	
					Năm 2014	KH 2015
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	332.055	342.528	412.611	124,26%	120,46%
2	Tổng doanh thu thuần	6.808.161	6.052.701	6.916.021	101,58%	114,26%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	343.376	350.236	423.625	123,37%	120,95%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	266.849	272.861	328.610	123,14%	120,43%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	23,01%	25,28%	29,18%	126,79%	115,41%
6	Tỷ suất LNST/VĐL	39,82%	33,77%	43,51%	109,26%	128,83%
7	Tỷ lệ cổ tức	30%	tối thiểu 15%	tạm ứng 30%	100%	200%

- Trong bối cảnh kinh tế xã hội năm 2015 còn nhiều khó khăn, được sự hỗ trợ của Cổ đông chi phối là Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam, với sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV trong toàn hệ thống PLC, hoạt động SXKD năm 2015 của Tổng công ty đạt được kết quả đáng ghi nhận. Hầu hết các chỉ tiêu đều vượt mục tiêu kế hoạch đã được ĐHCĐ giao và có mức tăng trưởng cao so với thực hiện năm trước. Trong đó, có những chỉ tiêu có mức tăng trưởng ấn tượng như: sản lượng tiêu thụ, Lợi nhuận thực hiện, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu và tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ. Với kết quả đạt được, Tổng Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 30%.

- Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng Công ty trong năm 2015 là những biến động về tỷ giá. Riêng biến động tỷ giá đã làm cho chi phí lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh hơn 110 tỷ đồng và tổng chi phí tài chính năm 2015 toàn hệ thống là hơn 158 tỷ, đây là mức cao nhất kể từ năm 2011.

2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2015:

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN	Số cuối kỳ (31/12/2015)		Số đầu năm (31/12/2014)	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.379.139	81,4%	2.940.987	82,2%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.335.175	32,2%	887.093	24,8%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		0,0%	0	0,0%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.083.329	26,1%	1.009.443	28,2%
4. Hàng tồn kho	922.995	22,2%	1.018.704	28,5%
5. Tài sản ngắn hạn khác	37.639	0,9%	25.747	0,7%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	772.185	18,6%	637.296	17,8%
1. Các khoản phải thu dài hạn	320	0,0%	319	0,0%

2. Tài sản cố định	606.186	14,6%	463.850	13,0%
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	61.048	1,5%	59.269	1,7%
4. Tài sản dài hạn khác	104.632	2,5%	113.858	3,2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.151.324	100%	3.578.283	100%
I. NỢ PHẢI TRẢ	3.000.182	72,3%	2.476.752	69,2%
2. Nợ ngắn hạn	2.972.432	71,6%	2.476.752	69,2%
3. Nợ dài hạn	27.750	0,7%	0	0,0%
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.151.142	27,7%	1.101.531	30,8%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	807.988	19,5%	702.608	19,6%
2. Quỹ đầu tư phát triển	232.944	5,6%	245.872	6,9%
3. Quỹ dự phòng tài chính		0,0%	51.910	1,5%
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	24.478	0,6%	24.478	0,7%
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	85.732	2,1%	76.663	2,1%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.151.324	100%	3.578.283	100%

➤ Tình hình Tài sản: Tổng tài sản thời điểm 31/12/2015 là 4.151 tỷ đồng tăng 573 tỷ so với cùng thời điểm 2014, tương đương 16%. Tổng tài sản tăng chủ yếu là do tăng “Tiền và tương đương tiền” (tăng hơn 50%), và tăng tài sản cố định (tăng hơn 30%), nợ phải thu ngắn hạn tăng 7,3%, hàng tồn kho giảm hơn 10%. Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có nhiều thay đổi so với năm 2014, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản với 81,4%.

➤ Tình hình Nguồn vốn: Tại thời điểm 31/12/2015, nguồn vốn của Tổng Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn (chiếm 71,6%) và đây cũng là nguồn vốn có tỷ lệ tăng cao nhất so với cùng thời điểm năm 2014 (tăng hơn 20%). Điều này cho thấy phần tài sản tăng thêm chủ yếu được tài trợ bởi phần nợ ngắn hạn. Vốn chủ sở hữu cuối năm tăng nhẹ khoảng 4,5%, nguyên nhân chủ yếu là do phần lớn lợi nhuận làm ra trong năm được sử dụng để tạm ứng cổ tức (đã tạm ứng 30%).

2.3. Một số chỉ tiêu đánh giá

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
I	Chỉ tiêu khả năng thanh toán		
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	1,19	1,14
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,78	0,83
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
1	Hệ số nợ / Tổng TS	69,2%	72,3%
2	Hệ số nợ / Vốn CSH	224,8%	260,6%
III	Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
1	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	3,92%	4,75%
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH bq (ROE)	23,90%	29,18%
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ bq	39,44%	43,51%
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bq (ROA)	8,26%	8,50%

- Về khả năng thanh toán: Với hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 cho thấy Tổng Công ty duy trì được khả năng thanh toán ở mức an toàn. Ngoài

ra, với hệ số thanh toán nhanh cao hơn năm 2014 cho thấy tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty có tính thanh khoản cao hơn.

- Về cơ cấu vốn: cả hệ số nợ/tổng tài sản và hệ số nợ/vốn CSH đều có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2014. Điều này phù hợp với việc gia tăng tổng tài sản trong điều kiện phần lớn lợi nhuận trong năm được sử dụng để tạm ứng cổ tức.

- Khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2015 đều cao hơn so với năm 2014. Điều này cho thấy việc quản lý, sử dụng chi phí và khai thác tài sản của Tổng Công ty có hiệu quả hơn.

3. Công tác đầu tư năm 2015.

ĐVT: triệu đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	% TT/KH
	Tổng cộng	336.888	237.539	70,51 %
1	Các hạng mục đầu tư mới	279.840	196.180	70,10 %
2	Các hạng mục sửa chữa lớn	57.048	41.359	72,50 %
3	Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp	0	0	0

Năm 2015, Tổng công ty PLC tục quán triệt nguyên tắc: tập trung vào đầu tư cải tạo, mở rộng, đầu tư mới, sửa chữa lớn cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD của 3 ngành hàng nhằm nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh và không đầu tư ngoài ngành. Tổng giá trị đầu tư mới và sửa chữa lớn CSVCKT hoàn thành năm 2015 là 237.539 triệu đồng, đạt tỷ lệ cao nhất trong những năm gần đây so với Kế hoạch 2015 (khoảng 70,51 %).

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC.

1. Hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2015, HĐQT đã triển khai thực hiện tích cực, kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao theo đúng định hướng và chiến lược của Tổng Công ty.

- HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp trực tiếp và 14 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức nghiêm túc, thuận lợi cho các thành viên tham gia. Các thành viên HĐQT tham gia đã thảo luận thẳng thắn, có trách nhiệm đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền để quản lý và định hướng các hoạt động của Tổng Công ty, đồng thời tổ chức công tác giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc nhằm đảm bảo đúng kế hoạch, mục tiêu và chiến lược đề ra.

Đánh giá chung: BKS nhận thấy hoạt động của HĐQT năm 2015 đảm bảo tính minh bạch, khách quan và trung thực. Những quyết định của HĐQT đảm bảo tính hiệu quả và định hướng phát triển bền vững cho Tổng công ty.

2. Hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

- Trong năm 2015, Ban Tổng giám đốc không có sự thay đổi về nhân sự.

- BKS nhận thấy Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác nhìn chung đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổng Công ty và của Pháp luật.

- Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc.

- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc được duy trì thường xuyên thông qua hình thức trao đổi trực tiếp, thư điện tử (E-mail) và Văn bản.
- Trong năm 2015, BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp với HĐQT trong phạm vi chức năng, quyền hạn của BKS.
- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, Tổng công ty cần tiếp tục giữ vững và khai thác hiệu quả các kênh phân phối; tích cực tìm kiếm thị trường xuất khẩu nhằm bù đắp khó khăn từ thị trường trong nước.
- Những diễn biến phức tạp, khó dự báo của giá dầu và thị trường tài chính trong năm 2016 sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty cần có giải pháp điều hành chủ động, linh hoạt.
- Cần tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, áp dụng sâu rộng công nghệ thông tin trong quản trị, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả và phòng ngừa các rủi ro.
- Tiếp tục đánh giá, rà soát các khoản mục chi phí cần tiết giảm; nâng cao vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tài sản; tích cực đôn đốc và thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đặc biệt là công nợ quá hạn, nợ khó đòi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, tạo ra giá trị cao nhất cho Cổ đông và các nhà đầu tư.
- Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện các dự án phục vụ trực tiếp cho hoạt động SXKD của các ngành hàng đã được HĐQT phê duyệt để sớm đưa vào khai thác sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả.

CHỦ TỌA

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**



PHẠM BÁ NHUÂN



Hà nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex ban hành ngày 05/05/2014;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 01/NQ-PLC-HĐCĐ ngày 20/04/2014;

Ban kiểm soát Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex (sau đây viết tắt là Ban kiểm soát/BKS) báo cáo và Đại hội Đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2015 như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

1. Hoạt động của BKS năm 2015.

Năm 2015 Ban kiểm soát hoạt động với 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách và 1 thành viên kiêm nhiệm.

Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của BKS, trong năm 2015 BKS đã chủ động, tích cực phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty; Chủ tịch kiêm giám đốc và Kiểm soát viên của các Công ty con trong việc triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được giao, một số hoạt động cụ thể sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đưa ra những ý kiến góp ý độc lập, khách quan trong phạm vi quyền hạn của BKS.
- Tham gia giám sát và góp ý về việc xây dựng Kế hoạch SXKD và Kế hoạch cân đối vốn năm 2015.
- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Thông qua kiểm toán độc lập, soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2015.
- Tham gia thảo luận, góp ý trong quá trình xây dựng, sửa đổi các quy chế, quy định quản lý, quản trị công ty.
- Phối hợp cùng các Ban giúp việc HĐQT, thông qua kiểm soát viên các công ty con, tiến hành kiểm tra, kiểm soát quy định, quy trình quản lý nhằm nâng cao khả năng quản trị và giảm thiểu rủi ro.
- Trong năm 2015, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định với đầy đủ các thành viên tham gia, đảm bảo tính dân chủ. Ngoài ra, các thành viên BKS thường xuyên trao đổi thông tin thông qua Email hoặc trao đổi trực tiếp.

Đánh giá chung: Trong năm 2015, BKS đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ được ĐHĐCD giao một cách khách quan, chủ động trên cơ sở tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và quy định của Pháp luật. Trong điều kiện phạm vi hoạt động rộng, tính chất phức tạp và đặc thù của từng ngành hàng và luôn có những rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh nên công tác kiểm tra giám sát cần tiếp tục được duy trì và thực hiện đồng bộ ở tất cả các cấp từ HĐQT, Ban điều hành và các bộ phận có liên quan.

2. Hoạt động của từng Kiểm soát viên năm 2015

- Trong năm 2015, từng Kiểm soát viên đã thực hiện chức năng nhiệm vụ theo đúng quy chế hoạt động thuộc phạm vi công việc được phân công đảm bảo tính khách quan, trung thực.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, chủ động phối hợp, trao đổi thông tin giữa các Kiểm soát viên.

3. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2015: Tổng thù lao và các lợi ích khác của BKS năm 2015 là: 1.306.487.672 đồng. Thù lao của BKS năm 2015 được thực hiện theo phương án được ĐHĐĐ thường niên năm 2015 thông qua, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và của Tổng công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự, chiến lược phát triển của Tổng công ty, trong năm 2016, Ban kiểm soát dự kiến tập trung thực hiện những công việc trọng tâm sau:

1. Phối hợp với HĐQT triển khai thực hiện sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty; các quy chế, quy định, quy trình quản lý nhằm phù hợp với Luật doanh nghiệp năm 2014 đã được Quốc hội thông qua và phù hợp với tình hình thực tế tại Tổng Công ty.
2. Trên cơ sở Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Tổng Công ty sửa đổi, Ban kiểm soát nghiên cứu, rà soát và xây dựng lại quy chế hoạt động cũng như phân công nhiệm vụ của BKS cho phù hợp.
3. Phối hợp với các Ban giúp việc HĐQT, Kiểm soát viên các công ty con, lập và triển khai kế hoạch kiểm soát, tập trung vào kiểm soát chuyên đề nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và cảnh báo rủi ro.

4. Xem xét công tác xây dựng kế hoạch 2016; giám sát việc thực hiện kế hoạch 2016 và các mục tiêu được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.
5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để có ý kiến tham gia, góp ý kịp thời trong phạm vi, quyền hạn của BKS.
6. Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ theo quy định.
7. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong quản trị và điều hành Tổng công ty.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



PHẠM BÁ NHUÂN



Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex,

Ban kiểm soát trình và ĐHĐCĐ thông qua các tiêu thức lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét báo cáo tài chính định kỳ của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex như sau:

1. Các tiêu thức đánh giá, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2016;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán;

- Đáp ứng yêu cầu của Tổng công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán;

- Không xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Tổng công ty .

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thông qua:

2.1. Thông qua các tiêu thức tại Mục 1 nêu trên làm căn cứ lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016 và soát xét BCTC định kỳ của Tổng công ty.

2.2. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016 và soát xét BCTC định kỳ của Tổng công ty gồm:

- Công ty TNHH KPMG (KPMG)

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Deloitte)

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính Châu Á (FADACOM)

2.3. Nhằm tạo sự chủ động, Ban kiểm soát Tổng công ty đã trình và ĐHĐCD thống nhất Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 trong các đơn vị trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và soát xét BCTC định kỳ của Tổng công ty đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



PHẠM BÁ NHUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

PHƯƠNG ÁN**Trả thù lao cho Thành viên HĐQT và Thành viên BKS năm 2016**

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP (PLC);
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và điều kiện thực tế của Tổng công ty;

ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua Phương án trả thù lao cho các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS và ban điều hành Tổng công ty PLC năm 2016, như sau :

1. Thù lao, tiền lương của các Thành viên HĐQT, các Thành viên BKS :**1.1. Thù lao các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS không chuyên trách:**

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2016
1	Thành viên HĐQT	20% tiền lương của Phó tổng giám đốc PLC năm 2016
2	Thành viên BKS	14% tiền lương của Phó tổng giám đốc PLC năm 2016

1.2. Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách và các chức danh quản lý, điều hành:

- Tiền lương năm 2016 của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và tiền lương các chức danh quản lý điều hành khác được thực hiện theo Quy chế trả lương cán bộ quản lý của PLC (đã được cổ đông chi phối – Tập đoàn xăng dầu Việt Nam thông qua) và hướng dẫn của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam (nếu có), tương ứng với việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao năm 2016 (bao gồm cả việc điều chỉnh kế hoạch – nếu có);
- Trường hợp thực hiện vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh ĐHĐCĐ giao năm 2016, thu nhập bổ sung cho các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành được HĐQT PLC xem xét, quyết định phù hợp từng mức độ vượt, đảm bảo được quyền lợi và nghĩa vụ theo từng vị trí, tiệm cận với cơ chế thu nhập theo hiệu quả hoạt động, có tính thực tiễn theo mô hình hoạt động của công ty cổ phần.

1.3. Đối với Thành viên BKS chuyên trách :

- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Trưởng BKS Tổng công ty chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Phó Tổng Giám đốc PLC;
- Tiền lương và các chế độ lợi ích của Thành viên BKS chuyên trách áp dụng tương đương mức lương và chế độ chính sách của chức danh Trưởng phòng nghiệp vụ PLC.

2. Phương thức chi trả tiền lương, thù lao năm 2016 : Thực hiện tạm ứng hàng tháng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó, phù hợp với mức tiền lương, thù lao hàng tháng trong năm 2016 của người quản lý tương ứng trong Tổng công ty PLC; tổng mức tiền lương, thù lao và số còn lại được sẽ quyết toán, chi trả vào cuối năm khi kết thúc năm tài chính, phù hợp với tổng mức tiền lương của người quản lý tương

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



PHẠM BÁ NHUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO**KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU TĂNG VỐN
ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY PLC TRONG NĂM 2015**

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015, ngày 20/4/2015 giao cho HĐQT PLC thực hiện: Phương án phát hành cổ phiếu năm 2015 cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Tổng công ty PLC. HĐQT PLC đã báo cáo và được ĐHĐCĐ thông qua kết quả thực hiện với những nội dung cơ bản như sau:

1. Tổng số cổ phần trước khi phát hành: 70.260.837 cổ phần.
Trong đó: - Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần
 - Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 70.259.564 cổ phần
2. Tổng số cổ phần đã phát hành thêm: 10.538.002 cổ phần.
Đạt 99,99% so với Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
3. Tổng số cổ phần sau khi phát hành : 80.798.839 cổ phần.
Trong đó: - Cổ phiếu quỹ: 1.273 cổ phần
 - Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu: 80.797.566 cổ phần
4. Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty sau khi phát hành cổ phiếu năm 2015 cho cổ đông hiện hữu được xác lập trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán nhận cổ phiếu thưởng - số B021/2015-PLC/VSD-ĐK của TTLKCKVN ngày 13/7/2015. Trong đó, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông lớn sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết không thay đổi.
5. Ngày 21/7/2015, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty đã được HĐQT ban hành lại theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, sau khi sửa đổi điều 9 về vốn điều lệ, cổ phần của Tổng công ty.
6. Ngày 24/8/2015, toàn bộ 10.538.002 cổ phần phát hành thêm kể trên đã được đăng ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

7. Ngày 31/8/2015, toàn bộ 10.538.002 cổ phần phát hành thêm kể trên đã chính thức được giao dịch tại Sở GDCK Hà Nội.
8. Ngày 15/10/2015, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 của Tổng công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp theo số vốn Điều lệ mới.



PHẠM BÁ NHUÂN



PETROLIMEX

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/04/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex-CTCP)

Trong năm 2016, được đánh giá là kinh tế phát triển ổn định, tuy nhiên, các gói đầu tư công cho hạ tầng giao thông không còn nhiều và không yêu cầu các sản phẩm nhựa đường cao cấp – là lợi thế của PLC. Ngành hàng kinh doanh dầu mỡ nhờn của PLC vẫn đang trong giai đoạn tăng cường thị trường nội địa và mở rộng ra các nước trong khu vực để bù đắp lại phần sản lượng pha chế thuê. Do vậy, để giữ được sản lượng đòi hỏi chi phí xây dựng thị trường ban đầu rất lớn và chưa có hiệu quả kinh doanh trong ngắn hạn. Với những thách thức của năm 2016 đối với từng ngành hàng kinh doanh, ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2016. Cụ thể như sau:

1. Kế hoạch tài chính tổng hợp năm 2016

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016	KH 2016/ TH 2015
1	Sản lượng	Tấn; m3	412.611	354.475	86%
2	Doanh thu thuần	Triệu đ	6.925.917	5.982.752	86%
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đ	423.625	387.177	91%
4	Tổng LN sau thuế	Triệu đ	328.610	311.342	95%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%	26,61%	24,64%	
6	Tỷ suất LNST/VDL	%	43,51%	38,53%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	30%	Tối thiểu 20%	

(VCSH và VDL để tính tỷ suất trong giao KH và thực hiện là số bình quân năm)

Ngoài mục tiêu giữ sản lượng, Tổng công ty vẫn duy trì mục tiêu tiết giảm chi phí và đẩy nhanh tiến độ đầu tư, đảm bảo dòng tiền lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Kế hoạch đầu tư năm 2016

Đơn vị : triệu đồng

STT	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ/ CHỦ ĐẦU TƯ	TỔNG KHAI TOÁN ĐẦU TƯ CỦA TOÀN BỘ DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH	KẾ HOẠCH KHAI TOÁN ĐẦU TƯ NĂM 2016	% KẾ HOẠCH KHAI TOÁN NĂM 2016/ TỔNG KHAI TOÁN ĐT
	TỔNG CỘNG (A + B)	754.927	434.238	58%
A	CÁC HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI	717.822	406.097	57%
B	CÁC HẠNG MỤC SỬA CHỮA LỚN	37.105	28.141	76%

Nhận thức rõ được tầm quan trọng và giá trị mang lại của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, công nghệ sản xuất tiên tiến để sản xuất ra các sản phẩm chất lượng cao, mang thương hiệu Petrolimex, trong năm 2016, Tổng công ty và 2 Công ty TNHH trong hệ thống PLC tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng các công trình và hạng mục trực tiếp phục vụ các ngành hàng sản xuất kinh doanh chính tại một số dự án, công trình đầu tư lớn, trọng điểm.

3. Các hoạt động trọng tâm khác trong năm 2016

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo trong lộ trình của đề án Tái cấu trúc Tổng công ty.
- Tiết giảm chi phí kinh doanh, chi phí tài chính trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con, thông qua việc tăng cường quản lý và hoàn thiện hệ thống định mức hao hụt mới; Tăng vòng quay hàng tồn kho; Hạn chế công nợ và Tăng cường điều hành tài chính tập trung;
- Triển khai nhanh, hiệu quả phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp mới trong toàn hệ thống Công ty mẹ - Công ty con. Hoàn thành ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, xây dựng bản mô tả công việc theo phương pháp tiên tiến, bước đầu chuẩn bị áp dụng hệ thống đánh giá chất lượng công việc hiện đại vào PLC.
- Thực hiện đúng quy trình, quy định về đầu tư. Đầu tư tập trung để rút ngắn thời gian triển khai, nhanh chóng đưa các công trình vào khai thác, sử dụng để tạo lợi thế, tận dụng được cơ hội kinh doanh.
- Nghiên cứu sản xuất và tiếp thị, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới có hiệu quả kinh doanh cao vào thị trường Việt Nam và đưa sản phẩm PLC ra thị trường khu vực.
- Huy động vốn trên thị trường bằng phát hành cổ phiếu ra công chúng để giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông chi phối.

CHỦ TỌA

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**



PHẠM BÁ NHUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrokimex - CTCP)

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Hóa dầu Petrokimex-CTCP ;

ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2015 của Tổng công ty PLC với nội dung cơ bản sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Ghi chú
1	Lợi nhuận thực hiện 2015	423.624.956.880	$1=1a+1b+1c$
1a	Riêng TCT mẹ	221.013.280.293	
1b	Công ty Nhựa Đường	202.256.028.027	
1c	Công ty Hóa Chất	355.648.560	
2	Thuế TNDN	95.014.937.387	$2=2a+2b+2c$
2a	Riêng TCT mẹ	49.865.675.180	$2a=1a*22\%+3a$
2b	Công ty Nhựa Đường	45.071.019.524	$2b=1b*22\%+3b$
2c	Công ty Hóa Chất	78.242.683	$2c=1c*22\%+3c$
3	Tr.đó: Thuế TNDN khác phát sinh	1.817.446.873	Thuế TNDN của thù lao TV HĐQT, BKS và các khoản chi phí chịu thuế khác
3a	- Riêng TCT mẹ	1.242.753.516	
3b	- Công ty Nhựa Đường	574.693.358	
3c	- Công ty Hóa Chất	0	

4	Lợi nhuận sau thuế	328.610.019.493	$4=4a+4b+4c$
4a	Riêng TCT mẹ	171.147.605.113	$4a=1a-2a$
4b	Công ty Nhựa Đường	157.185.008.503	$4b=1b-2b$
4c	Công ty Hóa Chất	277.405.877	$4c=1c-2c$
5	Chia cổ tức	242.392.698.000	Chia cổ tức 30%
6	Quỹ đầu tư phát triển	69.210.589.531	Trích lập tại TCTy mẹ
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.310.557.122	Quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 1,5 tháng lương thực hiện; Quỹ thưởng BQL bằng 1 tháng lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý.
8	Quỹ thưởng BQL điều hành Tcty	696.174.840	

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



PHẠM BÁ NHUÂN



Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2016

BÁO CÁO

Về việc quyết toán QTL và thù lao của các Thành viên HĐQT và các Thành viên BKS Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex năm 2015

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex- CTCP hiện hành;
- Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2015 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP về việc thông qua phương án về quỹ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2015 và kết quả sản hoạt động SXKD năm 2014 của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP đã trình và được ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua Báo cáo về việc quyết toán quỹ tiền lương và thù lao đối với các thành viên HĐQT, các thành viên BKS năm 2015 như sau:

1. Mức lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/04/2015. Theo đó, Tổng QTL và thù lao HĐQT năm 2015 là: **1.402.675.840 đồng**.
2. Quỹ thù lao của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/04/2015. Theo đó, Tổng thù lao của Ban kiểm soát năm 2015 là: **1.306.487.672 đồng**.

CHỦ TỌA

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP**



PHẠM BÁ NHUÂN

NỘI DUNG SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

(kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 14/4/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP)

Tổng quát:

- Trong bản Nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ trình tại ĐHĐCĐ này, phần viết chữ in nghiêng là nội dung bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ mới so với Điều lệ hiện hành của Tổng công ty. Nội dung dự thảo bổ sung, sửa đổi chỉ thực hiện đối với một số chương, điều, khoản về kết cấu, nội dung và từ ngữ cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ mẫu và thực tế của PLC. Các nội dung khác không đề cập đến được hiểu là giữ nguyên như Điều lệ hiện tại.
- Trên cơ sở của Điều lệ cũ, các điều khoản tham chiếu, kết nối giữa các điều trong bản Điều lệ mới sẽ được thay đổi theo đúng chương, điều, khoản đã sửa đổi lại, phù hợp với kết cấu và nội dung quy định của Điều lệ mẫu, đảm bảo việc thay đổi kết cấu không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
PHẦN MỞ ĐẦU		
Căn cứ xây dựng và thông qua bản Điều lệ này: — Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29/11/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006; — Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/06/2006 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2007; — Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/ 2012/TT BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính; — Các văn bản quy phạm Pháp luật hiện hành. — Điều lệ này được HĐQT thông qua thừa ủy quyền của ĐHĐCĐ tại nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014. — Bản Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (PLC) là cơ sở pháp lý và chi phối toàn bộ hoạt động của Tổng công ty.	<i>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 14 tháng 04 năm 2016</i>	<i>Theo Điều lệ mẫu Áp dụng đối với Cty Đại chúng (TT121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012) và DL mẫu của TD</i>
Điều 1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐIỀU LỆ		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
1. Giải thích thuật ngữ : a. "Vốn Điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 10 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/ 12/ 2005; c. "Cán bộ quản lý" là TGD điều hành, Phó TGD, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng công ty được HĐQT phê chuẩn; d. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm; Thành viên HĐQT độc lập là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau: - Là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm; - Không phải là thành viên HĐQT, GD, Phó GD của các công ty con, công ty liên kết, công ty do PLC nắm quyền kiểm soát; - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Tổng công ty; - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất; - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất. e. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17, điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34, điều 6 Luật Chứng khoán;	1. Giải thích thuật ngữ : a. "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại của Tổng công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014; c. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng Tổng công ty; d. Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm; e. "Địa chỉ thường trú" là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Tổng công ty để làm địa chỉ liên lạc. f. Tổ chức lại Tổng công ty là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp. g. "Những người liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17, điều 4 Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan của Pháp luật; và khoản 34, điều 6 Luật Chứng khoán;	Điều 111 điểm 1 Luật Doanh nghiệp Khoản 18 điều 4 Luật Doanh nghiệp và Theo Điều lệ của TĐ Bổ định nghĩa về thành viên HĐQT độc lập để chuyển xuống điều 25 mới của Điều Lệ Bổ sung thêm mục e và f theo khoản 10 và 25 điều 4 Luật DN Có sự thay đổi về Người có liên quan tại Luật DN 2014, tuy số Điều, khoản không thay đổi

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Điều 2. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY		
5. TGD là Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty.	5. Chủ tịch HĐQT và TGD là Người đại diện theo Pháp luật của Tổng công ty. 6. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép.	khoản 2 điều 134 Luật DN Chuyển từ điều 5 của DL cũ thành điểm 6 điều 2.
	Điều 3. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	
	1. Tổng công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật là: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị. b) Tổng giám đốc điều hành. 2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm sau đây: a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng công ty; b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về việc Người đại diện và người có liên quan của Người đại diện làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác. 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Tổng công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.	Bổ sung điều 3 mới theo điều 13 và 14 Luật DN
Điều 3. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, LĨNH VỰC KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY		Đổi thành Điều 4
	Bổ sung thêm mục f vào khoản 1	Điều 29 Luật

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	"f. Và các ngành nghề kinh doanh khác mà Pháp luật Việt Nam không cấm".	DN 2014 đã bỏ khoản 5 cũ về ngành nghề kinh doanh
Điều 4. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY		Đổi thành Điều 5
CHƯƠNG IV XVIII CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT		Chuyển thành chương 18 để kết cấu DL theo cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tcty
Điều 5. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY		Đổi thành Điều 50
Tổng công ty có thể thành lập công ty, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi luật pháp cho phép. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, Tổng công ty có các Đơn vị hạch toán phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên kết tại Phụ lục kèm theo Điều lệ này.	1. Tổng công ty là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; b) Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó; c) Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó. 2. Tổng công ty có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết được nêu ở Phụ lục đính kèm theo Điều lệ này. Phụ lục là một phần của Điều lệ này. 3. Tổng công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và quy định của Pháp luật.	Theo DL mẫu của TĐ
Điều 6. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC		Đổi thành Điều 51

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Các CNHD hạch toán phụ thuộc Tổng công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức và nhân sự quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do TGD Tổng công ty xây dựng và trình HĐQT phê duyệt. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các CNHD hạch toán phụ thuộc.	Các CNHD hạch toán phụ thuộc Tổng công ty thực hiện chế độ phân cấp hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và đầu tư quy định trong các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty do TGD Tổng công ty xây dựng và trình HĐQT ban hành. Tổng công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các CNHD hạch toán phụ thuộc.	<i>Theo quy định về việc ban hành các Quy chế quản lý nội bộ PLC của HĐQT.</i>
Điều 7. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN		Đổi thành Điều 52
Các Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. <i>ĐHĐCĐ</i> là Chủ sở hữu Công ty con; HĐQT là Đại diện Chủ sở hữu Công ty con, <i>HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</i> Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con như sau: Quyền hạn: <i>Quyết định việc thành lập, tổ chức lại và đổi tên Công ty con.</i> <i>Quyết định nội dung, ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty con; Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty con khi cần thiết.</i> <i>Quyết định mức VDL của Công ty con; Quyết định hình thức, mức tăng VDL của Công ty con khi cần thiết. Quyết định chuyển nhượng một phần</i>	Các Công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. <i>Tổng công ty Hóa Dầu Petrolimex - CTCP</i> là Chủ sở hữu Công ty con; HĐQT là Đại diện Chủ sở hữu Công ty con. <i>HĐQT cử một hay nhiều người đại diện Tổng công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Việc chỉ định người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện vốn góp của Tổng công ty tại Công ty con do HĐQT quyết định, phù hợp với Điều lệ Tổng công ty, Điều lệ Công ty con, Luật doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan.</i> Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con như sau: Quyền hạn: <i>Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i> <i>Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</i> <i>Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty theo Quy chế quản lý công tác tổ chức cán bộ của Tổng công ty;</i>	Theo DL mẫu của TD Khoản 1 Điều 75 Luật DN <i>Phù hợp với các quy định cụ thể</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
hoặc toàn bộ VDL của Công ty con cho tổ chức hay cá nhân khác. d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con. e. Quyết định thành lập, tổ chức lại, đổi tên và giải thể các Chi nhánh, Kho, Nhà máy trực thuộc Công ty con. f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các lợi ích khác của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con; Phê duyệt phương án bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc công ty. g. Quyết định bổ nhiệm từ 01 đến 03 người làm Kiểm soát viên tại 01 công ty con với nhiệm kỳ là 03 năm; Quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức thù lao và các lợi ích khác của Kiểm soát viên tại Công ty con. h. Quyết định phương hướng chiến lược và các kế hoạch dài hạn phát triển Công ty con. i. Thông qua kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Tài chính tổng hợp hàng năm của Công ty con. j. Thông qua Tổng biên chế lao động, Kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty con. k. Quyết định việc cử các chức danh cán bộ của Công ty con do HĐQT Tổng công ty bổ nhiệm đi công tác, đào tạo tại nước ngoài theo các quy định của Pháp luật. l. Thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ của Công ty con: Quy chế quản lý Tài chính, Quy chế quản lý Tổ chức- cán bộ, Quy chế quản lý Đầu tư, Quy chế Công nghệ thông tin. m. Thông qua các mục tiêu, định hướng phát triển thị trường, công nghệ. n. Quyết định việc mua sắm tài sản cố định, các dự án đầu tư xây dựng CSVCKT, đầu tư hỗ trợ bán hàng của Công ty con có giá trị từ 10 (mười) tỷ	d. Thông qua Tổng biên chế lao động, Kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty con. e. Quyết định dự án đầu tư phát triển theo Quy chế Đầu tư của Tổng công ty; f. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; g. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty con quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty; h. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty con hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty con và phù hợp với Quy chế Tài chính của Tổng công ty; i. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác; j. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác; k. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty; Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để soát xét/kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty con. l. Thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm đã được kiểm toán, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con. m. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; n. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty; o. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của	trong các Quy chế quản lý nội bộ PLC của HĐQT (Quy chế quản lý công tác TCCB, Quy chế đầu tư phát triển, Quy chế tài chính...)

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
VNĐ trở lên. o. Thông qua Kế hoạch vay vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động SXKD hàng năm của Công ty con. Thông qua các hợp đồng vay vốn ngắn hạn có giá trị từ 50% Tổng giá trị tài sản trở lên, ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty con. p. Phê duyệt việc bán tài sản cố định có giá trị còn lại từ 5 (năm) tỷ VNĐ trở lên. q. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty con. r. Thông qua Báo cáo Tài chính hàng năm đã được kiểm toán, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con. s. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh của Công ty con theo đề nghị của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty con. t. Tổ chức kiểm tra, giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của Tổng công ty con, hoạt động quản lý và điều hành của Chủ tịch kiêm Giám đốc Tổng công ty con. u. Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty con khi cần thiết. Tổ chức thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty con sau khi Công ty con hoàn thành việc giải thể hoặc phá sản. v. Các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Nghĩa vụ: a. Tuân thủ Điều lệ Công ty con. b. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn. c. Xác định và tách biệt tài sản của Tổng công ty và tài sản của Công ty con. d. Không được trực tiếp rút một phần	công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản; p. Thông qua một số Quy chế quản lý nội bộ của Công ty con: Quy chế quản lý Tài chính, Quy chế quản lý Tổ chức - cán bộ, Quy chế lao động tiền lương, Quy chế quản lý Đầu tư, Quy chế Công nghệ thông tin, Quy chế quản lý công nợ. q. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Nghĩa vụ: a. Tuân thủ Điều lệ công ty con. b. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty. c. Xác định và tách biệt tài sản của Tổng công ty và tài sản của Công ty con.	Điều 76 Luật DN 2014

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào Công ty con; Chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã góp vào Công ty con. e. Tổng công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty con không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. f. Tuân thủ quy định của Pháp luật về hợp đồng trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê giữa Tổng công ty và Công ty con. g. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.	d. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty. e. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty. f. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. g. Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	
Điều 8. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT		Đổi thành Điều 53
CHƯƠNG 4 IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP		
Điều 9. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA TỔNG CÔNG TY		Đổi thành Điều 6
3. Tất cả các cổ phần hiện tại do Tổng công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông, kể cả số cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước do Tập đoàn nắm giữ, của các thành viên HĐQT, các thành viên BKS, TGD điều hành. 6. Số lượng cổ phần Tổng công ty do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ hiện là 63.889.259 (Sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi chín) cổ phần phổ thông. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác.	3 Tất cả các cổ phần hiện tại do Tổng công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Khoản 6 được sửa thành : - Số lượng cổ phần Tổng công ty do Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam nắm giữ hiện là 63.889.259 (Sáu mươi ba triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi chín) cổ phần phổ thông. 6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc, kể từ ngày công bố thông tin theo quy định) để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần không được cổ đông đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	định khác. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn phù hợp với quy định của luật Chứng khoán hiện hành để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần không được cổ đông đăng ký mua hết sẽ do HĐQT quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	
Điều 10. CHỨNG NHẬN CỔ PHIẾU		Đổi thành Điều 7
Điều 11. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC		Đổi thành Điều 8
Điều 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN		Đổi thành Điều 9
Điều 13. THU HỒI CỔ PHẦN		Đổi thành Điều 10
CHƯƠNG VI CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT		
Điều 14. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT		Đổi thành Điều 11
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm: 1. ĐHĐCĐ; 2. HĐQT; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc điều hành.	Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm: 1. ĐHĐCĐ; 2. HĐQT; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc điều hành.	Lựa chọn tổ chức quản lý theo điểm a khoản 1 điều 134 Luật DN
CHƯƠNG VII CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 15. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 12
Điều 16. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 13
Điều 17. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 14
3.c Khi số thành viên của HĐQT ít hơn	3.c. Khi số thành viên của HĐQT ít	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;	hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	
Điều 18. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 15
1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán; b. Báo cáo của HĐQT; c. Báo cáo của BKS; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; 2. ĐHĐCĐ thường niên, bất thường và dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị, sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ; c. Số thành viên của HĐQT; BKS; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và BKS; f. Mức thù lao, tổng số tiền thù lao và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty; j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý)	1. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua: a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty; b. Báo cáo tài chính hàng năm; c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền. 2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ Tổng công ty	Viết lại theo khoản 2 điều 136 Luật DN

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Tổng công ty và chỉ định người thanh lý; k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty; l. Quyết định giao dịch bán tài sản Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; m. Tổng công ty mua lại hơn 10 % một loại cổ phần phát hành; n. Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20 % tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất; o. Phê chuẩn việc TGD điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT; p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.	<i>không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;</i> <i>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</i> <i>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</i> <i>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i> <i>h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</i> <i>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</i> <i>k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</i>	
Điều 19. CÁC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN		Đổi thành Điều 16
1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. <i>Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Tổng công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</i>	<i>Bổ sung khoản 1 theo khoản 3 điều 15 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
<i>Điều 20. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN</i>		<i>Đổi thành Điều 17</i>
<i>Điều 21. TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, CHƯƠNG TRÌNH HỌP VÀ THÔNG BÁO HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</i>		<i>Đổi thành Điều 18</i>
1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4b hoặc khoản 4c điều 17. 2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4b hoặc khoản 4c điều 14 Điều lệ này. 2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Danh sách cổ đông có quyền dự ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. 3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 4. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Tổng công ty. 5. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp Đổi khoản 3 cũ thành khoản 3,4, 5 mới theo Điều 139 Luật doanh nghiệp

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	b) <i>Phiếu biểu quyết</i> c) <i>Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</i> <i>Tài liệu họp quy định tại khoản 5 điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông bằng phương thức thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông Tổng công ty.</i>	
Điều 22. CÁC ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 19
3.Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ thời điểm dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <i>số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự</i> và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn. 4.Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 21 của Điều lệ này.	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ thời điểm dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào <i>tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp</i> và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn. 4.Theo đề nghị Chủ tọa, ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 điều 21 của Điều lệ này.	<i>Điều 141 Luật DN</i> <i>ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp ĐHĐCĐ, không cần theo đề nghị của chủ tọa mà theo quy định tại điều 12</i>
Điều 23. THẺ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 20
2.Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tại ĐHĐCĐ thực hiện hình thức biểu quyết trực tiếp và tính điểm trên cơ sở số cổ phần sở hữu hoặc đại diện ủy quyền dự họp, theo Thẻ lệ biểu quyết được ĐHĐCĐ thông qua. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội,	2.Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. 3.Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa, <i>nhưng không vượt quá ba (03) người theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> 5.Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. <i>Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i> Chủ tọa đề cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. 7.Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. <i>Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</i> 10.HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để: a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;	thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. 3.Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa <i>nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> 5.Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <i>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i> Chủ tọa đề cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp. 7.Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. 10.HĐQT, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được HĐQT cho là thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có	Khoản 2d điều 142 Luật DN Khoản 2a điều 142 Luật DN Khoản 8 điều 142 Luật Doanh nghiệp Khắc phục việc trì hoãn tổ chức ĐHĐCĐ quy định tại Khoản 8a điều 142 Luật Doanh nghiệp

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;	mặt tại các địa điểm đó;	
Điều 24. THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 21
1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 24, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ: a. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty; c. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và BKS; báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm TGD điều hành hoặc phê chuẩn việc TGD điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty. 2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại, sáp nhập hay giải thể Tổng công ty; giao dịch mua, bán tài sản Tổng công ty hoặc các công ty, chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các công ty, chi nhánh của Tổng công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ. 3. Các quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Tổng công ty quy định; e. Tổ chức lại, giải thể công ty; f. Các vấn đề khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử	Sửa lại theo nội dung điều 144 Luật DN và tỷ lệ biểu quyết như Điều lệ hiện hành đang quy định Bỏ ý 3 cũ, chuyển nội dung này xuống điều 22 mới.

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.	
Điều 25. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỀ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 22
1.HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; 2.HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông; HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét, biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. 7.Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	1.HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty; 2.<i>Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.</i> 3.HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét, biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 7.Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	<i>Khoản 2 điều 145 Luật DN</i> <i>Khoản 6 điều 145 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Điều 26. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 23
Điều 27. YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		Đổi thành Điều 24
	Bổ sung vào giữa khoản 2 và khoản 3 cũ nội dung: 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 147 Luật Doanh nghiệp thì các quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp
CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
	Điều 25. CƠ CẤU TIÊU CHUẨN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty. c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác. d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ. 2. Thành viên độc lập HĐQT là thành viên HĐQT đáp ứng các yêu cầu	Bổ sung theo điều 151 Luật DN. PLC là Cty CP có tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhà nước trên 51% nên bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn d của điều này. Chuyển từ khoản 1 d điều 1 Điều

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	sau: a) Là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan của TGD, PTGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm. b) Không phải là thành viên HĐQT, Giám đốc, Phó giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trong ba (03) năm gần nhất; c) Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Tổng công ty; d) Không phải là người làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất; e) Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Tổng công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên của tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Tổng công ty trong hai (02) năm gần nhất. 3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.	lệ hiện hành xuống thành khoản 2 điều 25
Điều 28. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Đổi thành Điều 26
1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên	Khoản 1 được sửa thành 1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có	ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông nhất số lượng TV HĐQT của PLC

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 7. Thành viên HĐQT có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.	thể được bầu lại. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	<i>là 5 người; Luật DN 2014 quy định nhiệm kỳ Tv HĐQT, không quy định nhiệm kỳ của HĐQT.</i> <i>Bỏ khoản 7 vì đã quy định tại khoản 1b điều 25 trong Điều lệ sửa đổi</i>
Điều 29. QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Điều 27. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. 2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, và Điều lệ Tổng công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây : a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh và ngân sách hằng năm của Tổng công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; d) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền; f) Quyết định phương án mua sắm tài sản cố định, dự án đầu tư xây dựng CSVCKT và đầu tư hỗ trợ bán hàng có giá trị từ 10 (mười) tỷ VNĐ đến dưới 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất;	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây : a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn; Quyết định kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua; d) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty; f) Quyết định phương án mua sắm tài sản cố định, dự án đầu tư xây dựng CSVCKT đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán gần nhất – theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty”	<i>Khoản 1 điều 149 Luật DN</i> <i>Theo khoản 1, điều 149 Luật DN không có cụm từ này.</i> <i>Sửa khoản 2d điều lệ theo Khoản 2c và 2d điều 149 Luật DN</i> <i>Khoản 2h điều 149 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
g) Quyết định định hướng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>lớn hơn hoặc bằng</i> 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 120 của Luật Doanh nghiệp; h) Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền <i>sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác</i>, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có). j) Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Tổng biên chế lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm; quyết định một số quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; gồm: Quy chế quản lý Tài chính, Quy chế quản lý Tổ chức cán bộ, Quy chế quản lý Đầu tư; Quy chế Công nghệ thông tin; Quy chế Công bố thông tin, Quy chế Quản trị Tổng công ty, Quy chế cử Người đại diện quản lý phần vốn góp vào doanh nghiệp khác, Quy trình quản trị thông tin, Quy chế Kiểm soát viên; Quyết định thành lập các Công ty con, thành lập công ty/chi nhánh, nhà máy, kho, văn phòng đại diện trực thuộc công ty mẹ và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Phê chuẩn việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;	g) Quyết định định hướng phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>bằng hoặc lớn hơn 35%</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo Tài chính gần nhất của TCT. Quy định này không áp dụng đối với các hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 18 khoản 2.1 Điều lệ này và điểm d khoản 2 điều 135, khoản 1 và khoản 3 điều 162 của Luật Doanh nghiệp” h) <i>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT</i>, Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác theo các quy chế do HĐQT ban hành; cử người đại diện theo uỷ quyền <i>tham gia Hội đồng thành viên hoặc HĐQT ở Công ty khác</i>, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có). j) Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty; Tổng biên chế lao động; kế hoạch tiền lương hàng năm; quyết định quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty. Quyết định thành lập các Công ty con, thành lập công ty/chi nhánh, nhà máy, kho, văn phòng đại diện trực thuộc công ty mẹ và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Phê chuẩn việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;	<i>Khoản 2i điều 149 Luật DN</i> <i>Thay việc liệt kê các Quy chế do HĐQT ban hành bằng “Quy chế quản lý nội bộ” theo Khoản 2i điều 149 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.	6. HĐQT có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty	
Điều 30. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Đổi thành Điều 28
1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số các Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCĐ thường niên. 2f. Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác thuộc thẩm quyền của HĐQT; 4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Khoản 1 sửa thành : 1. HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT trong số các Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty. 2f. Thay mặt HĐQT ký ban hành các nghị quyết, quyết định đã được HĐQT thông qua và các văn bản thông thường khác theo quy chế hoạt động của HĐQT Khoản 4 bổ sung thêm 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Theo 152 Luật DN
Điều 31. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		Đổi thành Điều 29
1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ, triệu tập họp HĐQT. 2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc ở nơi khác.	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
HĐQT thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần. 3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a. TGD điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý; b. Ít nhất Hai thành viên HĐQT; c. Chủ tịch HĐQT; d. Ban kiểm soát. 4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 điều 31 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 điều 31 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT. 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty. 6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của	3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. 4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
HDQT. 7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HDQT phải được gửi trước cho các thành viên HDQT ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HDQT được đăng ký tại Tổng công ty. 8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HDQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HDQT có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HDQT dự họp. 9. Biểu quyết: a. Trừ quy định tại khoản 9b điều 31, mỗi thành viên HDQT trực tiếp có mặt (hoặc người được ủy quyền) với tư cách cá nhân tại cuộc họp HDQT sẽ có một phiếu biểu quyết; b. Thành viên HDQT không được biểu	quyết. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 11. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. 12. Biên bản họp Hội đồng quản trị a) Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu được	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại khoản 9d, điều 31, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh này sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định và phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ giao dịch quy định tại khoản 4 điều 41 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 10. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thì thành viên HĐQT	quy định tại Khoản 1, Điều 154 Luật Doanh nghiệp. b) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Tổng công ty. c) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 11. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định. 12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên HĐQT sau đây: a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT; b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp HĐQT. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên. 14. Biên bản họp HĐQT: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp, hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp. 15. Các tiểu ban của HĐQT: HĐQT có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
<i>theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:</i> a. <i>Phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;</i> b. <i>Và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</i> 16. <i>Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót.</i>		
CHƯƠNG IX VIII TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY		
Điều 32. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ		<i>Đổi thành Điều 30</i>
Điều 33. CÁN BỘ QUẢN LÝ		<i>Đổi thành Điều 31</i>
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với TGD điều hành do HĐQT quyết định. 3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với những cán bộ quản lý khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD điều hành và ủy quyền cho TGD ký hợp đồng lao động.	2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác <i>trong hợp đồng lao động</i> đối với TGD điều hành do HĐQT quyết định. 3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác đối với những cán bộ quản lý khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD điều hành.	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Điều 34. BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH		Đổi thành Điều 32
2.TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. <i>Nhiệm kỳ của TGD là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</i> <i>TGD không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.</i> 3.TGD có các quyền và nhiệm vụ sau đây: c)Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức , số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, ban hành các quy chế quản lý nội bộ, trừ một số quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT quy định tại Điều 29 khoản 2 mục J của Điều lệ này	2.TGD là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và Pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. <i>Nhiệm kỳ của TGD điều hành không quá 5 năm và có thể tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i> 3. Tổng giám đốc điều hành có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây: c)Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức , số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; Kiến nghị HĐQT xây dựng các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty	<i>Theo khoản 3 và 4 điều 157 Luật DN</i>
Điều 35. THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY		Đổi thành Điều 33
1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, HDQT chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. Thư ký Tổng công ty phải là người có hiểu biết về Pháp luật. Thư ký Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho Tổng công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Tổng công	1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, <i>Chủ tịch HĐQT tuyển dụng một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT.</i> HDQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ	<i>Khoản 5 điều 152 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
ty. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. 2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm: <i>c. Làm Biên bản các cuộc họp;</i>	nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm. 2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm: <i>c. Tham dự các cuộc họp;</i>	
CHƯƠNG XIX BAN KIỂM SOÁT		
Điều 36. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT		<i>Đổi thành Điều 34</i>
1. Số lượng thành viên BKS của Tổng công ty là 3 thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty. <i>BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</i> 2. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán, có các quyền, trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp BKS ; b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS; c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ. 3. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ	1. Số lượng thành viên BKS Tổng công ty là 3 thành viên, các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. <i>Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</i> 3. <i>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây</i> <i>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật DN;</i> <i>b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i> <i>c) Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;</i> <i>d) Kiểm soát viên không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</i> 4. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên</i>	<i>Khoản 2 điều 164 Luật DN</i> <i>Khoản 1 điều 164 Luật DN</i> <i>Khoản 2 điều 163 Luật DN</i>

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
5% đến dưới 40% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 40% đến dưới 65% được đề cử hai ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ba ứng viên. 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.	<i>hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty.</i> Trường Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ. 5. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 40% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 40% đến dưới 65% được đề cử hai ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ ba ứng viên. 6. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử. 7. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp; b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Tổng công ty; c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	hành vi dân sự; d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 37. BAN KIỂM SOÁT		Đổi thành Điều 35
1. Các Thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá 05 (năm) năm; Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó bị Pháp luật cấm làm thành viên BKS; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các Thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục không được sự chấp thuận của BKS và BKS ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức Thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.	1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng, quý và các báo cáo tình hình kinh doanh của Tổng công ty; đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty; g. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước	Viết lại theo kết cấu của Điều 165 và 166 Luật DN 2014

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	khi HĐQT chấp thuận; h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý. (đề nghị tham khảo điều 165 của Luật Doanh nghiệp để viết ngắn gọn và đầy đủ ý) 2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các bản sao nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu bốn (04) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. 4. Mức lương và thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	
Điều 38. QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	Bỏ điều này	Gộp điều 38 của điều lệ hiện hành vào điều 35
Điều 39. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM SOÁT	Bỏ điều này	Gộp điều 39 của điều lệ hiện hành vào điều 35
CHƯƠNG XI TRÁCH NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Điều 40. TRÁCH NHIỆM CÁN TRỌNG	Không thay đổi chi đối Thành viên BKS thành Kiểm soát viên	Đổi thành Điều 36
Điều 41. TRÁCH NHIỆM TRUNG THỰC VÀ TRÁNH CÁC XUNG ĐỘT VỀ QUYỀN LỢI	Không thay đổi chi đối Thành viên BKS thành Kiểm soát viên	Đổi thành Điều 37
Điều 42. TRÁCH NHIỆM VỀ THIẾT HẠI VÀ BỒI THƯỜNG	Không thay đổi chi đối Thành viên BKS thành Kiểm soát viên	Đổi thành Điều 38
CHƯƠNG XH XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY		
Điều 43. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	Không thay đổi chi đối Thành viên BKS thành Kiểm soát viên	Đổi thành Điều 39
CHƯƠNG XHH XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY		
Điều 44. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN		Đổi thành Điều 40
	Điều 41. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI TRONG TỔNG CÔNG TY	
	1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức. 2. Tổng công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Tổng công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.	
CHƯƠNG XIV CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
Điều 45. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		Đổi thành Điều 42
CHƯƠNG XV CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN		
Điều 46. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG		Đổi thành Điều 43
Điều 47. QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ - bỏ toàn văn điều 47		
Điều 48-NĂM TÀI CHÍNH		Đổi thành Điều 44
Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và	Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.	kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. <i>Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</i>	
<i>Điều 49. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</i>		<i>Đổi thành Điều 45</i>
<i>CHƯƠNG XVI CHƯƠNG XV</i> BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG		
<i>Điều 50. Điều 46. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM, SÁU THÁNG VÀ HÀNG QUÝ</i>		
1. Báo cáo tài chính hàng năm (báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) của Tổng công ty được lập theo quy định của Pháp luật và được kiểm toán theo quy định tại điều 55 của Điều lệ này. Ngày hoàn thành Báo cáo tài chính năm chậm nhất là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo quy định của Luật Kế toán. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua được nộp cho các cơ quan: Thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.	1. <i>Tổng công ty phải lập</i> Báo cáo tài chính hàng năm (báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) của Tổng công ty theo quy định của Pháp luật <i>cũng như các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước</i> và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại điều 48 của Điều lệ này. Trong thời hạn 120 ngày, kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua được nộp cho các cơ quan: Thuế, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định.	
<i>Điều 51. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG bỏ toàn văn điều 51</i>		
<i>Điều 52. Điều 47. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN</i>		
1. Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Tổng công ty lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định của Bộ Tài chính và công bố chậm nhất hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; 3. Báo cáo thường niên của Tổng công ty được công bố trên website của Tổng công ty và trên phương tiện	Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.		
CHƯƠNG XVII CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY		
Điều 53. KIỂM TOÁN		<i>Đổi thành điều 48</i>
CHƯƠNG XVIII CHƯƠNG XVII CON DẤU		
Điều 54. CON DẤU		<i>Đổi thành điều 49</i>
1. HĐQT quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. HĐQT, TGD sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của <i>Pháp luật hiện hành</i>.	1. HĐQT quyết định, thông qua về hình thức, số lượng và nội dung con dấu chính thức của Tổng công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện được thông tin về: tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp. ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp, Trước khi sử dụng phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký doanh nghiệp để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. 2. HĐQT, TGD điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của TCT. 3. <i>Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.</i>	<i>Theo điều 44 Luật DN 2014.</i>
CHƯƠNG XVIII CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT		
<i>Gồm 4 điều, từ Điều 50-53 : là nội dung của các Điều 5-8 trong Điều lệ cũ</i>		
CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ		
Điều 55. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG		<i>Đổi thành điều 54</i>
	Điều 54. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	
	<i>1. Chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty được chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổng công ty hoặc theo quyết định thu hồi Giấy</i>	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
	chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm: a) Quyết định của Tổng công ty về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội; c) Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động; d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện; đ) Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có). 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. 4. Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.	
Điều 56. TRƯỜNG HỢP BẾ TẮC GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CỔ ĐÔNG — bỏ toàn văn điều 56		
Điều 57. GIA HẠN HOẠT ĐỘNG		Đổi thành điều 56
Điều 58. THANH LÝ		Đổi thành điều 57
CHƯƠNG XX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Điều 59. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		<i>Đổi thành điều 58</i>
CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ		
Điều 60. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ		<i>Đổi thành điều 59</i>
CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC		
Điều 61. Điều 60. NGÀY HIỆU LỰC		
1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương, 61 điều, đã được HĐQT nhất trí thông qua ngày 23/06/2014 <i>thừa ủy quyền của ĐHĐCĐ theo Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2014 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i> 2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty. 3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.	1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương, 60 điều, đã được <i>ĐHĐCĐ thường niên 2016 nhất trí thông qua ngày 14/04/2016 tại Nghị quyết số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i> 2. Điều lệ này được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó: a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước tại địa phương; b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân TP Hà Nội; c) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên HĐQT.	
PHỤ LỤC 01 DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP 1. Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng - Số 1 Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng. 2. Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng - tầng 7, số 122 đường 2/9, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP	PHỤ LỤC 01 DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP 1. Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng - tầng 7, số 122 đường 2/9, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. 2. Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Số 15 Lê Duẩn, Quận I, Thành phố	

Điều lệ cũ	Điều lệ mới	Thuyết minh
Đà Nẵng. 3. Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Số 15 Lê Duẩn, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. 4. Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ - Đường trục chính, khu công nghiệp Trà Nóc I, Bình Thủy, Cần Thơ.	Hồ Chí Minh. 3. Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ - Đường trục chính, khu công nghiệp Trà Nóc I, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.	
PHỤ LỤC 04 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP 1. Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 810 (CIENJSCO 810). 2. Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP. 3. Công ty TNHH đầu tư thương mại PLG	PHỤ LỤC 04 DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP 1. Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 810 (CIENJSCO 810). 2. Công ty cổ phần Vận tải Hóa dầu VP.	

CHỦ TỌA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016
TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP



PHẠM BÁ NHUÂN

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4 - 5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

8 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Ủy viên
Ông Vũ Văn Chiến	Ủy viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Văn Đức
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Lê Anh Sơn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1961-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.379.138.595.353	2.940.987.329.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.335.175.091.627	887.093.486.873
1. Tiền	111	5	290.467.888.098	391.697.086.873
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.044.707.203.529	495.396.400.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.083.329.463.916	1.015.893.591.293
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.171.689.965.080	1.069.256.816.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		98.652.750.640	94.646.601.548
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.770.945.598	15.631.683.067
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(203.143.064.616)	(163.923.644.197)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		358.867.214	282.134.718
III. Hàng tồn kho	140	10	922.995.218.226	1.018.703.682.471
1. Hàng tồn kho	141		940.545.345.279	1.018.703.682.471
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(17.550.127.053)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.638.821.584	19.296.568.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.466.487.321	1.692.314.316
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.338.466.026	14.811.224.614
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	833.868.237	2.793.029.691
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		772.185.342.770	637.296.042.815
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		319.527.155	319.527.155
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	319.527.155	319.527.155
II. Tài sản cố định	220		430.975.885.342	341.971.141.413
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	429.221.763.287	340.579.881.180
- Nguyên giá	222		795.372.406.666	632.879.792.416
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(366.150.643.379)	(292.299.911.236)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.754.122.055	1.391.260.233
- Nguyên giá	228		5.729.884.398	3.814.284.398
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.975.762.343)	(2.423.024.165)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	175.210.359.620	121.878.611.215
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		175.210.359.620	121.878.611.215
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		61.047.511.083	59.269.015.514
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6	70.557.956.000	70.557.956.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6	(9.510.444.917)	(11.288.940.486)
V. Tài sản dài hạn khác	260		104.632.059.570	113.857.747.518
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	104.632.059.570	113.857.747.518
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.151.323.938.123	3.578.283.372.073

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.000.182.223.613	2.476.751.829.895
I. Nợ ngắn hạn	310		2.972.432.223.613	2.476.751.829.895
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	329.794.024.371	1.022.052.813.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.876.363.118	38.217.139.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	36.153.586.150	23.504.964.193
4. Phải trả người lao động	314		59.039.779.773	53.573.827.916
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	12.243.564.796	323.154.104
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	12.258.200.086	197.629.430.864
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	2.510.796.298.264	1.150.190.991.729
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(2.729.592.945)	(8.740.492.087)
II. Nợ dài hạn	330		27.750.000.000	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	27.750.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.151.141.714.510	1.101.531.542.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.151.141.714.510	1.101.531.542.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		807.988.390.000	702.608.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(12.730.000)	(12.730.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		232.943.693.904	297.782.197.864
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.731.505.915	76.662.849.623
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(485.815.578)	(485.824.446)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		86.217.321.493	77.148.674.069
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.151.323.938.123	3.578.283.372.073


Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016


Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán


Nguyễn Văn Đức
Tổng giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01	23	6.916.021.226.558	6.808.161.412.748
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10	23	6.916.021.226.558	6.808.161.412.748
4. Giá vốn hàng bán	11	24	5.640.695.090.126	5.812.394.116.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.275.326.136.432	995.767.296.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	41.383.458.221	19.741.855.177
7. Chi phí tài chính	22	27	158.611.185.292	50.388.284.206
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.298.254.668	27.341.812.862
8. Chi phí bán hàng	25	30	590.771.228.293	477.319.230.717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	148.358.732.250	152.798.046.158
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		418.968.448.818	335.003.590.793
11. Thu nhập khác	31	28	12.629.494.431	10.003.829.301
12. Chi phí khác	32	29	7.972.986.369	1.631.310.406
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.656.508.062	8.372.518.895
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		423.624.956.880	343.376.109.688
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	95.014.937.387	76.526.612.819
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		328.610.019.493	266.849.496.869
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	4.067	3.121


Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016


Phương Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toánNguyễn Văn Đức
Tổng giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	423.624.956.880	343.376.109.688
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	79.152.127.120	54.190.055.718
Các khoản dự phòng	03	54.991.051.903	54.736.990.719
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.159.119.493	3.101.284.494
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(28.390.070.961)	(12.761.230.951)
Chi phí lãi vay	06	50.298.254.668	27.341.812.862
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	580.835.439.103	469.985.022.530
Thay đổi các khoản phải thu	09	(119.555.770.129)	(58.475.443.938)
Thay đổi hàng tồn kho	10	78.158.337.192	(143.023.013.099)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(726.627.578.954)	426.889.096.283
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	35.451.094.239	1.842.696.974
Tiền lãi vay đã trả	14	(50.298.254.668)	(27.526.739.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(87.955.958.259)	(69.427.388.520)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.518.389.687)	(12.066.132.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(299.511.081.163)	588.198.098.755
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(218.378.053.011)	(181.549.457.694)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	577.399.130	95.318.182
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.334.277.771	10.633.283.978
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(190.466.376.110)	(170.820.855.534)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.536.399.465.818	3.852.906.639.285
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(5.147.997.116.633)	(3.854.119.455.717)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(450.399.294.550)	(97.460.326.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	938.003.054.635	(98.673.142.932)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	448.025.597.362	318.704.100.289
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	887.093.486.873	568.330.087.155
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.007.392	59.299.429
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.335.175.091.627	887.093.486.873


 Nguyễn Quang Hưng
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016


 Phương Thảo Hiền
 Trưởng phòng Tài chính Kế toán


 Nguyễn Văn Đức
 Tổng giám đốc

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ/BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004. Tổng công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PLC.

Cổ đông chi phối của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam sở hữu 79,07% số cổ phần, các cổ đông khác sở hữu 20,93% số cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 713 người; trong đó: Hóa dầu: 345 người, Nhựa đường: 261 người, Hóa chất: 107 người (31 tháng 12 năm 2014: 692 ; trong đó: Hóa dầu: 352 người, Nhựa đường: 233 người và Hóa chất: 107 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Theo Nghị quyết số 21/NQ-PLC-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Hội đồng Quản trị, Tổng công ty đã quyết nghị chấm dứt và giải thể hoạt động Chi nhánh Hóa dầu Hải Phòng - Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP kể từ 24h ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có các chi nhánh sau:

- Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP;
- Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ - Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có 02 công ty con và 02 công ty liên kết. Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2015 VND	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	250.000.000.000	Kinh doanh nhựa đường
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	150.000.000.000	Kinh doanh hóa chất
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810	Hà Nội, Việt Nam	23,9%	23,9%	4.557.956.000	Xây dựng các công trình giao thông
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hà Nội, Việt Nam	43,78%	43,78%	66.000.000.000	Hoạt động vận tải hóa dầu

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tuy nhiên, việc áp dụng các thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, vàng bạc đá quý, các khoản tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải nợ thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá trị hàng tồn kho và hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và phương pháp giá hạch toán (một phương pháp giá tương đương với giá kế hoạch và giá định mức) đối với thành phẩm và hàng hóa. Chênh lệch giữa giá hạch toán và giá thực tế của thành phẩm, hàng hóa được phân bổ cho giá trị thành phẩm, hàng hóa xuất bán và giá trị hàng hóa, thành phẩm tồn tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 17
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền đầu tư sản văn phòng, tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền đầu tư sản văn phòng tại tòa nhà MIPEC số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng thể hiện số tiền đã trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê/sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	3.188.213.821	2.265.165.176
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	283.749.264.411	385.692.901.280
Tiền đang chuyển	3.530.409.866	3.739.020.417
	290.467.888.098	391.697.086.873

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTP

Tầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (i)	66.000.000.000	(7.817.019.609)	66.000.000.000	(11.288.940.486)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (ii)	4.557.956.000	(1.693.425.308)	4.557.956.000	-
Cộng	70.557.956.000	(9.510.444.917)	70.557.956.000	(11.288.940.486)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do thiếu thông tin về giá tham chiếu trên thị trường nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty đã đánh giá một cách thận trọng khả năng suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP và báo cáo chưa được kiểm toán hay soát xét của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để xác định giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	Năm 2015			Năm 2014		
	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2015	Doanh thu	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2014	Doanh thu	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (i)	511.172.289.755	145.710.032.857	8.375.998.471	498.594.893.750	143.884.855.350	1.756.061.146
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (ii)	-	-	-	243.802.996.544	-	-

(i) Thông tin được lấy từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(ii) Không trình bày do thiếu thông tin báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.
Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng việc không trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến thông tin cho người đọc báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Gia Anh	151.438.315.010	31.418.197.896
Các khách hàng khác	1.020.251.650.070	1.037.838.618.261
	1.171.689.965.080	1.069.256.816.157
Phải thu từ các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34)	46.121.015.459	56.403.649.527

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	(Phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	8.859.935.998	7.402.722.630
Lãi tiền gửi dự thu	2.049.602.062	1.701.563.605
Phải thu về cổ tức	523.512.042	523.512.042
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	353.600.000	265.835.600
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	968.883.618
Phải thu về thuế được hoàn	-	454.179.051
Các khoản phải thu khác	3.984.295.496	4.314.986.521
Cộng	15.770.945.598	15.631.683.067
b. Dài hạn	319.527.155	319.527.155
Cộng	319.527.155	319.527.155

9. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Đối tượng				
Dưới 6 tháng	448.721.068.321	448.721.068.321	295.074.655.479	295.074.655.479
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	12.227.375.991	9.146.386.674	39.125.763.445	32.280.856.583
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	103.314.989.993	63.285.503.977	20.103.718.901	11.181.144.200
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	20.028.409.613	7.184.891.043	10.104.473.596	3.086.965.263
Từ 3 năm trở lên	149.628.898.945	2.439.828.232	143.907.478.191	2.768.823.890
	733.920.742.863	530.777.678.247	508.316.089.612	344.392.445.415

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	131.415.058.108	-	201.817.747.819	-
Nguyên liệu, vật liệu	246.947.627.407	-	247.184.847.843	-
Công cụ, dụng cụ	7.233.082.482	-	11.325.349.918	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.440.744.956	-	26.502.677.641	-
Thành phẩm	279.385.801.252	(4.070.433.349)	331.734.655.383	-
Hàng hoá	249.811.625.429	(13.479.693.704)	197.555.068.222	-
Vật tư khác	3.311.405.645	-	2.583.335.645	-
	940.545.345.279	(17.550.127.053)	1.018.703.682.471	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí vận tải	2.833.386.240	801.032.539
Chi phí quảng cáo và chi phí khác	3.633.101.081	891.281.777
b) Dài hạn		
Chi phí đầu tư sản văn phòng tại tòa nhà MIPEC	66.998.940.608	68.401.449.811
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Đình Vũ	18.048.114.909	18.612.118.500
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.403.762.208	7.353.040.428
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.744.238.677	3.964.627.314
Chi phí nội thất văn phòng	5.304.333.640	1.679.179.760
Chi phí vận tải	2.672.915.682	2.486.911.987
Chi phí quảng cáo và chi phí khác	459.753.846	11.360.419.718
Cộng	111.098.546.891	115.550.061.834

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Đầu năm thu	Đầu năm nộp	Phát sinh trong năm		Cuối năm thu	Cuối năm nộp
			Đã nộp	Phải nộp		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Thuế						
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	998.737.913	86.862.990.526	87.836.878.764	218.142.650	2.190.768.801
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	440.102.800	-	456.808.831.548	457.247.239.094	1.695.254	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	1.524.399.141	-	31.209.993.249	32.734.392.390	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	607.212.563	20.430.957.015	87.955.958.259	96.543.069.067	408.212.524	28.819.067.784
5. Thuế thu nhập cá nhân	56.470.187	1.268.384.405	5.245.061.726	6.517.992.024	40.972.809	2.525.817.325
6. Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	332.064.209	332.064.209	-	-
7. Các loại thuế khác	164.845.000	806.884.860	22.769.382.502	24.580.429.882	164.845.000	2.617.932.240
7.1. Thuế bảo vệ môi trường	-	806.884.860	20.446.954.853	22.258.002.233	-	2.617.932.240
7.2. Các loại thuế khác	164.845.000	-	2.322.427.649	2.322.427.649	164.845.000	-
Cộng	2.793.029.691	23.504.964.193	691.184.282.019	705.792.065.430	833.868.237	36.153.586.150

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền	Thiết bị và dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	295.269.246.845	186.287.850.597	133.364.898.808	17.957.796.166	632.879.792.416
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	97.570.943.713	15.935.394.311	10.796.820.000	2.190.477.188	126.493.635.212
Mua sắm mới	1.225.927.816	33.411.533.286	6.268.291.818	946.691.728	41.852.444.648
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.544.246.780)	(1.777.016.707)	(616.602.123)	(3.937.865.610)
Phân loại lại	(4.130.003.246)	4.202.503.246	-	(72.500.000)	-
Giảm khác	-	-	-	(1.915.600.000)	(1.915.600.000)
Tại ngày 31/12/2015	389.936.115.128	238.293.034.660	148.652.993.919	18.490.262.959	795.372.406.666
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	123.580.837.334	82.776.194.724	73.947.627.831	11.995.251.347	292.299.911.236
Trích khấu hao trong năm	32.017.528.693	28.289.838.091	15.579.836.273	1.814.659.215	77.701.862.272
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.544.246.780)	(1.587.807.896)	(616.602.123)	(3.748.656.799)
Phân loại lại	(211.924.825)	221.742.529	-	(9.817.704)	-
Giảm khác	-	-	-	(102.473.330)	(102.473.330)
Tại ngày 31/12/2015	155.386.441.202	109.743.528.564	87.939.656.208	13.081.017.405	366.150.643.379
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	234.549.673.926	128.549.506.096	60.713.337.711	5.409.245.554	429.221.763.287
Tại ngày 31/12/2014	171.688.409.511	103.511.655.873	59.417.270.977	5.962.544.819	340.579.881.180

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 135.508.588.307 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 131.034.296.231 VND).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	3.814.284.398
Tăng trong năm	1.915.600.000
Tại ngày 31/12/2015	5.729.884.398
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	2.423.024.165
Trích khấu hao trong năm	1.450.264.848
Tăng khác	102.473.330
Tại ngày 31/12/2015	3.975.762.343
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	1.754.122.055
Tại ngày 31/12/2014	1.391.260.233

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	53.508.262.314	5.544.121.073
- Xây dựng cơ bản	121.702.097.306	110.871.562.677
- Sửa chữa	-	5.462.927.465
Trong đó:		
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	35.877.155.092	30.223.458.886
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	63.686.924.701	31.976.990.347
Quyền sở hữu đất tại khu công nghiệp Đình Vũ	49.562.451.450	-
Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Công trình mở rộng kho Thượng Lý	4.631.695.064	62.287.945
Công trình mở rộng kho Nhà Bè	1.739.400.000	32.598.146.399
Công trình mở rộng kho Thọ Quang	527.680.000	5.740.235.632
Công trình kho Đình Vũ	323.130.909	-
Cải tạo văn phòng làm việc	-	5.373.215.161
Các công trình khác	11.598.049.173	8.640.403.614
	175.210.359.620	121.878.611.215

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Petrolimex Singapore Pte Ltd	49.290.263.595	49.290.263.595	683.222.100.981	683.222.100.981
Shell Eastern Trading Pte., Ltd	46.777.326.195	46.777.326.195	48.017.127.352	48.017.127.352
Handsome Chemical Development Ltd	29.709.494.349	29.709.494.349	-	-
Hin Hin Trading Pte., Ltd	19.307.251.317	19.307.251.317	61.881.024.346	61.881.024.346
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ	14.868.735.435	14.868.735.435	-	-
DUCAT Chemical Co., Ltd.	4.276.633.088	4.276.633.088	6.818.210.638	6.818.210.638
Elf Lubrifiant Paris	4.240.540.290	4.240.540.290	22.161.834.166	22.161.834.166
Công ty Liên doanh BP-Petco	2.907.979.607	2.907.979.607	5.638.307.212	5.638.307.212
Các đối tượng khác	158.415.800.495	158.415.800.495	194.314.208.767	194.314.208.767
Cộng	329.794.024.371	329.794.024.371	1.022.052.813.462	1.022.052.813.462
Phải trả cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34)	53.571.975.818	53.571.975.818	655.086.401.795	655.086.401.795

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
 Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn lon hộp	6.586.784.613	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.927.632.698	-
Chi phí khuyến mại dầu mỡ nhờn phuy thùng	717.805.840	-
Chi phí sửa chữa kho Nhà Bè	2.302.068.460	-
Các khoản trích trước khác	709.273.185	323.154.104
	<u>12.243.564.796</u>	<u>323.154.104</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả cổ tức	3.383.504.650	190.312.232.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.918.489.829	1.986.759.540
Các khoản phải trả khác	5.956.205.607	5.330.439.324
	<u>12.258.200.086</u>	<u>197.629.430.864</u>

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTP

Tầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Chi tiêu	31/12/2014				Phát sinh trong năm				31/12/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn										
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	174.661.021.117	174.661.021.117	1.349.395.247.382	1.242.867.438.197	281.188.830.302	281.188.830.302			281.188.830.302	
Ngân hàng TMCP Quân đội	282.806.391.954	282.806.391.954	862.849.315.695	888.199.972.565	257.455.735.084	257.455.735.084			257.455.735.084	
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	176.469.686.550	176.469.686.550	448.535.311.227	561.241.912.237	63.763.085.540	63.763.085.540			63.763.085.540	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	368.604.358.395	368.604.358.395	1.654.696.433.161	1.219.904.133.747	803.396.657.809	803.396.657.809			803.396.657.809	
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	870.883.892.877	422.636.628.968	448.247.263.909	448.247.263.909			448.247.263.909	
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	110.360.180.249	110.360.180.249	521.841.273.645	414.515.078.563	217.686.375.331	217.686.375.331			217.686.375.331	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	37.289.353.464	37.289.353.464	800.400.949.181	398.631.952.356	439.058.350.289	439.058.350.289			439.058.350.289	
Cộng	1.150.190.991.729	1.150.190.991.729	6.508.602.423.168	5.147.997.116.633	2.510.796.298.264	2.510.796.298.264			2.510.796.298.264	
Vay dài hạn										
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	-	27.750.000.000	-	27.750.000.000	27.750.000.000			27.750.000.000	
Cộng	-	-	27.750.000.000	-	27.750.000.000	27.750.000.000			27.750.000.000	
Tổng cộng	1.150.190.991.729	1.150.190.991.729	6.536.352.423.168	5.147.997.116.633	2.538.546.298.264	2.538.546.298.264			2.538.546.298.264	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn trên được dùng để bổ sung nhu cầu tài sản ngắn hạn của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc theo hợp đồng tín dụng với thời hạn vay là 3 tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng công ty có các khoản vay ngắn hạn bằng đồng USD và VND với lãi suất tiền vay từ 1,2%/năm đến 2,8%/năm và từ 2,3%/năm đến 6,7%/năm. Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất theo lãi suất vay USD sẽ chịu thêm một khoản phí là Phần bù rủi ro (Premium), là phần chênh lệch về biến động tỷ giá tại ngày giải ngân và ngày tất toán khoản vay.

Vay dài hạn tại Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (công ty con) là khoản vay có thời hạn vay 10 năm (ân hạn gốc 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên) để thực hiện dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ với lãi suất 8,5%/năm trong năm đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất CN 5.2L tại Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng và toàn bộ cơ sở hạ tầng, tài sản gắn liền với đất và máy móc, thiết bị của Dự án Kho dung môi - Hóa chất Petrolimex Đình Vũ.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.406.250.000	-
Sau năm năm	17.343.750.000	-
	27.750.000.000	-

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế lưu kế đến cuối năm trước VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	650.573.900.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	216.543.270.159	51.909.640.311	20.463.604.691	188.190.009.544	-	1.131.694.944.705
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	266.849.496.869	266.849.496.869
Cổ phiếu thưởng	52.034.470.000	-	-	-	(52.034.470.000)	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(81.363.757.394)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban Điều hành	-	-	-	-	81.363.757.394	-	-	(9.737.715.927)	-	(9.737.715.927)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	-	(97.584.175.500)	-	(97.584.175.500)
Tạm ứng cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	-	(189.700.822.800)	-	(189.700.822.800)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	9.814.831	-	9.814.831
Số dư tại ngày 31/12/2014	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	245.872.557.553	51.909.640.311	20.463.604.691	(485.824.446)	77.148.674.069	1.101.531.542.178
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	51.909.640.311	(51.909.640.311)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	297.782.197.864	-	20.463.604.691	(485.824.446)	77.148.674.069	1.101.531.542.178
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	328.610.019.493	328.610.019.493
Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối năm nay sang lợi nhuận chưa phân phối năm	-	-	-	-	-	-	-	77.148.674.069	(77.148.674.069)	-
Cổ phiếu thưởng (ii)	105.380.020.000	-	-	-	(105.380.020.000)	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	40.541.516.040	-	-	(40.541.516.040)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban Điều hành (i)	-	-	-	-	-	-	-	(15.529.288.829)	-	(15.529.288.829)
Chia cổ tức năm 2014 (i)	-	-	-	-	-	-	-	(21.077.869.200)	-	(21.077.869.200)
Tạm ứng cổ tức năm 2015 (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(242.392.698.000)	(242.392.698.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	8.868	-	8.868
Số dư tại ngày 31/12/2015	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	232.943.693.904	-	20.463.604.691	(485.815.578)	86.217.321.493	1.151.141.714.510

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 bao gồm: trích Quỹ đầu tư phát triển 40.541.516.040 VND, trích Quỹ thưởng Ban Điều hành 852.559.558 VND, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 14.676.729.271 VND và công bố chia tiếp cổ tức năm 2014 là 21.077.869.200 VND.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PLC-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt phương án phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần của Tổng công ty.

Ngày 24 tháng 8 năm 2015, theo Quyết định số 546/QĐ-SGDHN của Tổng giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP, theo đó, số lượng cổ phiếu phát hành là 10.538.002 cổ phiếu, tương ứng với số vốn chủ sở hữu tăng thêm là 105.380.020.000 VND (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu). Phương thức phát hành cổ phiếu dựa trên cơ sở kết chuyển nguồn vốn từ Quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty.

(iii) Thể hiện tổng số tiền tạm ứng cổ tức lần thứ nhất năm 2015 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/NQ-PLC-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2015. Theo đó, tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 30%, tương đương với 3.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 17		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	555.552.420.000
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	147.055.950.000
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	702.608.370.000

Cổ phiếu:

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	70.260.837
Số lượng cổ phiếu đã mua lại		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.273	1.273
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	70.259.564

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.466.702,62	2.382.014,62
Euro (EUR)	488,96	499,88
2. Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	63.703.050.629	42.132.182.992

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được cấu trúc theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và mỗi công ty thực hiện kinh doanh trên từng ngành hàng riêng biệt như sau:

- Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (Công ty mẹ): Nhập khẩu, pha chế và kinh doanh ngành hàng dầu mỡ nhờn.

- Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Công ty con): Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng nhựa đường.

- Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Công ty con): Nhập khẩu và kinh doanh ngành hàng hóa chất.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh của từng bộ phận như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	Dầu mỡ nhờn 31/12/2015	Nhựa đường 31/12/2015	Hóa chất 31/12/2015	Loại trừ số dư nội bộ tại ngày 31/12/2015	Tổng cộng 31/12/2015
Chỉ tiêu	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.375.554.704	1.149.001.804.211	138.797.732.712	-	1.335.175.091.627
Các khoản phải thu ngắn hạn	165.042.232.669	483.996.560.690	451.156.043.197	(16.865.372.640)	1.083.329.463.916
Hàng tồn kho	424.934.618.866	244.394.975.330	253.665.624.030	-	922.995.218.226
Tài sản ngắn hạn khác	3.491.711.216	18.193.821.485	15.953.288.883	-	37.638.821.584
Các khoản phải thu dài hạn	-	319.527.155	-	-	319.527.155
Tài sản cố định	110.098.749.109	206.823.119.194	114.054.017.039	-	430.975.885.342
Tài sản dở dang dài hạn	115.543.233.247	8.080.384.250	51.586.742.123	-	175.210.359.620
Đầu tư tài chính dài hạn	461.047.511.083	-	-	(400.000.000.000)	61.047.511.083
Tài sản dài hạn khác	60.011.106.053	22.609.524.020	22.011.429.497	-	104.632.059.570
Tổng tài sản hợp nhất	1.387.544.716.947	2.133.419.716.335	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.151.323.938.123
Nguồn vốn					
Nợ ngắn hạn	298.527.083.441	1.831.247.236.341	859.523.276.471	(16.865.372.640)	2.972.432.223.613
Nợ dài hạn	-	-	27.750.000.000	-	27.750.000.000
Vốn chủ sở hữu	1.089.017.633.506	302.172.479.994	159.951.601.010	(400.000.000.000)	1.151.141.714.510
Tổng nguồn vốn hợp nhất	1.387.544.716.947	2.133.419.716.335	1.047.224.877.481	(416.865.372.640)	4.151.323.938.123

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Dầu mỡ nhờn 2015	Nhựa đường 2015	Hóa chất 2015	Loại trừ nội bộ/ Điều chỉnh khác 2015	Tổng cộng 2015
Chỉ tiêu	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.885.654.280.895	3.636.902.833.679	1.403.359.428.536	(9.895.316.552)	6.916.021.226.558
Chi phí kinh doanh	1.659.486.399.526	3.357.171.729.817	1.373.062.237.878	(9.895.316.552)	6.379.825.050.669
- Giá vốn hàng bán	1.385.852.463.962	2.957.357.490.692	1.307.380.452.024	(9.895.316.552)	5.640.695.090.126
- Chi phí bán hàng	224.234.667.726	309.926.660.153	56.609.900.414	-	590.771.228.293
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.399.267.838	89.887.578.972	9.071.885.440	-	148.358.732.250
Kết quả kinh doanh bộ phận	226.167.881.369	279.731.103.862	30.297.190.658	-	536.196.175.889
Doanh thu hoạt động tài chính	182.412.589.968	29.019.743.193	5.862.896.882	(175.911.771.822)	41.383.458.221
Chi phí hoạt động tài chính	16.085.661.715	106.858.370.908	35.667.152.669	-	158.611.185.292
Lợi nhuận khác	4.430.242.493	363.551.880	(137.286.311)	-	4.656.508.062
Lợi nhuận trước thuế	396.925.052.115	202.256.028.027	355.648.560	(175.911.771.822)	423.624.956.880
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	49.865.675.180	45.071.019.524	78.242.683	-	95.014.937.387
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	347.059.376.935	157.185.008.503	277.405.877	(175.911.771.822)	328.610.019.493

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. DOANH THU BÁN HÀNG

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng		
<i>Trong đó:</i>		
Dầu mỡ nhờn	1.872.231.694.935	2.048.295.341.189
Nhựa đường	3.636.902.833.679	3.329.980.400.935
Hóa chất, dung môi	1.401.556.400.786	1.422.248.580.413
Doanh thu khác	5.330.297.158	7.637.090.211
	6.916.021.226.558	6.808.161.412.748
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 34)	1.226.537.053.423	1.117.217.238.775

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015	2014
	VND	VND
Dầu mỡ nhờn	1.374.398.856.870	1.582.691.281.194
Nhựa đường	2.957.357.490.692	2.873.913.980.225
Hóa chất, dung môi	1.307.291.542.824	1.352.038.536.975
Giá vốn khác	1.647.199.740	3.750.317.657
	5.640.695.090.126	5.812.394.116.051

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.200.467.035.728	1.394.808.096.184
Chi phí nhân công	151.031.513.901	147.353.778.380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.152.127.120	54.190.055.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.945.181.454	174.412.753.007
Chi phí khác bằng tiền	302.428.522.989	286.387.449.147
	1.952.024.381.192	2.057.152.132.436

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	27.671.516.460	12.272.754.139
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán	10.711.142.829	5.600.708.242
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.751.622	-
Lãi bán hàng trả chậm	2.928.047.310	1.706.373.741
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	162.019.055
	41.383.458.221	19.741.855.177

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong thanh toán	107.583.015.556	21.980.133.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.304.622.737	3.101.284.494
Chi phí lãi vay	50.298.254.668	27.341.812.862
Chiết khấu thanh toán	1.179.848.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	(1.778.495.569)	(2.039.893.522)
Lỗ từ hoạt động đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	-	4.946.551
Chi phí tài chính khác	23.939.900	-
	158.611.185.292	50.388.284.206

28. THU NHẬP KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thuế nhập khẩu được hoàn	9.654.191.495	7.411.003.920
Thừa khi kiểm kê	1.102.648.714	514.858.371
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản, hàng hóa	763.364.396	543.142.519
Thu nhập khác	1.109.289.826	1.534.824.491
	12.629.494.431	10.003.829.301

29. CHI PHÍ KHÁC

	2015	2014
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không tham gia điều hành	283.682.000	177.664.000
Thiếu khi kiểm kê	147.780.884	25.844.549
Hao hụt vượt định mức	58.305.037	583.740.097
Thuế phải nộp bổ sung	4.323.523.635	126.824.527
Lỗ từ hoạt động đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	-	49.719.156
Chi phí khác	3.159.694.813	667.518.077
	7.972.986.369	1.631.310.406

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí cho người lao động	53.683.373.591	40.021.414.339
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	94.675.358.659	112.776.631.819
	148.358.732.250	152.798.046.158
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí cho người lao động	83.972.757.533	85.385.957.721
Chi phí vận chuyển	167.215.182.140	138.887.331.321
Chi phí hoa hồng, đại lý môi giới, hỗ trợ bán hàng	50.905.773.781	27.659.303.099
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao dịch và chi phí khác	88.692.708.266	77.259.908.190
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	36.208.157.940	16.108.984.671
Chi phí bán hàng khác	163.776.648.633	132.017.745.715
	590.771.228.293	477.319.230.717

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	423.624.956.880	343.376.109.688
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	8.261.122.154	4.472.130.403
Thu nhập chịu thuế	431.886.079.034	347.848.240.091
Thuế suất hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	95.014.937.387	76.526.612.819

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	2015	2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty	VND	328.610.019.493	266.849.496.869
Trừ: Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)	VND	-	14.676.729.291
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	328.610.019.493	252.172.767.578
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phần	80.797.566	80.797.566
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	4.067	3.121

Trong năm 2015, Tổng công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần của Tổng công ty từ quỹ đầu tư phát triển, với số cổ phiếu tăng thêm là 10.538.002 cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 được xác định lại là 3.121 VND/cổ phần (số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 là 3.798 VND).

(*) Tổng công ty đã áp dụng phương pháp xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu theo Thông tư 200. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính, trình bày lại trên cơ sở hiệu số giữa lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ cho năm 2014. Tổng công ty chưa ước tính được Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ cho năm 2015, do vậy, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa bao gồm ảnh hưởng của Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ.

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Trong năm, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty đã có các Nghị quyết phê duyệt một số hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản với tổng số tiền là 391,702 tỷ VND.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex
Công ty TNHH Castrol BP PETCO

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cùng Tập đoàn
Liên doanh của Tập đoàn

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Doanh thu thuần	Thuế môi trường
	2015	2015
	VND	VND
Bán hàng	1.226.537.053.423	16.694.801.254
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	5.355.210.807	81.781.560
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Hà Nội	35.887.208.464	442.726.602
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	13.636.227.369	184.403.820
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	11.061.585.236	146.274.600
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	28.035.230.474	378.627.336
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	46.684.644	243.000
Xí nghiệp Dịch vụ Xây lắp và Thương mại	112.179.372	2.175.600
Chi nhánh Xăng dầu Tân Đức	337.976.604	3.074.100
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	39.810.193.266	263.963.400
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	12.801.423.443	188.761.496
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	11.358.405.906	172.259.967
Công ty Xăng dầu B12	79.417.849.141	1.053.895.920
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	7.745.236.103	103.586.520
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	15.701.902.443	207.149.400
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	24.934.757.676	326.355.744
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn	5.818.163.621	86.004.600
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	32.454.203.671	345.015.120
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	15.901.247.815	250.449.600
Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam	9.499.061.572	154.721.640
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình	8.258.672.641	132.975.120
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	25.124.110.024	362.421.120
Công ty Xăng dầu Nghệ An	34.532.944.678	422.284.200
Công ty Xăng dầu Bình Định	13.427.147.070	204.320.533
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	27.462.913.210	423.548.444
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	12.346.211.930	193.940.955
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	14.080.326.347	208.129.436
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	15.087.738.136	233.339.628
Chi nhánh Xăng dầu Sóc Trăng	6.220.745.559	85.399.140
Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	11.037.792.835	138.087.540
Chi nhánh Xăng dầu Hậu Giang	4.759.493.441	68.555.040
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	8.083.348.815	120.954.300
Xí nghiệp Xăng dầu K133	1.588.032.146	24.901.020
Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	3.244.922.876	44.843.160
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	31.170.859.642	493.442.280
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	18.131.428.183	205.081.980
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	41.274.593.914	607.606.513
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	23.115.146.342	345.985.450

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	Doanh thu thuần	Thuế môi trường
	2015	2015
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	21.708.409.292	326.233.666
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	3.286.348.775	13.432.200
Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	5.443.012.398	72.988.200
Công ty CP Vận tải Xăng dầu VITACO	11.298.464.350	211.959.600
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại VITACO	3.696.036.600	64.193.700
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	1.800.900.821	27.161.400
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	9.423.769.041	140.741.700
Công ty Xăng dầu Điện Biên	12.496.516.184	159.412.740
Công ty Xăng dầu Yên Bái	14.010.074.752	154.819.440
Công ty Xăng dầu Thái Bình	13.703.094.079	213.120.228
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	36.416.050.772	547.836.232
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	19.400.082.089	288.549.895
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	35.464.952.143	510.327.300
Công ty Xăng dầu Long An	35.167.573.351	427.211.760
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	9.843.480.625	107.090.460
Công ty Xăng dầu Trà Vinh	12.839.437.821	146.782.380
Công ty Xăng dầu Cà Mau	11.380.215.587	147.782.460
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	13.664.029.197	162.878.160
Công ty Xăng dầu Sông Bé	18.042.211.620	276.048.060
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	17.923.840	188.100
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	20.402.412.326	266.863.140
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	14.437.912.166	226.216.500
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	17.586.608.848	252.686.814
Công ty Xăng dầu Bến Tre	14.259.284.244	209.592.000
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	21.394.885.892	317.079.933
Công ty Xăng dầu Lào Cai	23.170.364.608	317.764.260
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	19.333.483.328	267.872.160
Công ty Xăng dầu Hà Giang	27.570.714.977	411.124.560
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	20.078.356.372	337.452.300
Công ty Xăng dầu An Giang	13.299.671.278	202.477.620
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	10.735.125.674	99.683.400
Công ty Cổ phần Xây lắp I	758.535.738	13.561.200
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	8.175.134	35.797
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	16.564.965.928	213.586.445
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	33.973.033.377	468.403.080
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	5.415.979.000	62.690.700
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	1.350.894.529	23.108.880
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	582.162.787	8.639.344
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	9.042.913.559	141.814.200
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	2.396.481.688	39.995.400
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	2.530.235.080	25.350.660
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	539.323.230	4.680.000
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	4.372.983.660	78.079.296
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	6.699.352.390	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	2.069.438.857	-

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng (Tiếp theo)	1.719.358.715.400	2.632.429.838.744
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Hà Nội	1.408.821.670	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 2	4.603.167.560	21.556.904.083
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	8.921.998.664	-
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	4.177.272.104	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	19.361.507.277	24.463.593.445
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	20.151.812.923	3.135.419.493
Công ty Xăng dầu B12	510.949.280	304.437.330
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	331.247.710	-
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	64.889.680	251.074.370
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	159.250.900	606.707.350
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình	2.173.026.340	-
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	175.261.520	72.975.640
Công ty Xăng dầu Nghệ An	2.765.568.545	6.851.359.761
Công ty Xăng dầu Bình Định	5.552.267.940	5.668.216.274
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	3.274.569.134	4.546.943.304
Chi nhánh Xăng dầu Sóc Trăng	90.788.376	-
Chi nhánh Xăng dầu Bạc Liêu	66.857.637	-
Chi nhánh Xăng dầu Hậu Giang	41.070.334	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	75.080.390	355.285.030
Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	22.272.410	-
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	1.061.201.990	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu	194.818.610	248.562.030
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	172.576.280	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu Petrolimex	6.704.815.000	8.183.335.000
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	53.389.864	423.828.870
Công ty Xăng dầu Điện Biên	210.471.120	296.776.860
Công ty Xăng dầu Yên Bái	105.960.910	263.014.920
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	1.116.318.200	1.045.199.880
Công ty Xăng dầu Long An	45.387.460	63.749.483
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	82.374.008	198.139.283
Công ty Xăng dầu Trà Vinh	72.074.585	62.482.298
Công ty Xăng dầu Cà Mau	168.906.901	343.647.160
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	58.599.420	308.184.690
Công ty Xăng dầu Sông Bé	389.773.810	317.093.150
Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	86.779.310	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	3.520.674.031	8.305.178.192
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	144.452.730	283.814.000
Công ty xăng dầu Tiền Giang	52.502.580	140.800.659
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	37.260.487	85.876.098
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	20.914.977	16.151.003
Công ty Xăng dầu Lào Cai	102.070.620	178.998.650
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	284.771.150	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	222.013.760	84.269.880
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	635.769.000	484.645.660
Công ty Xăng dầu An Giang	31.310.505	325.740.869
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	1.029.160.832	2.748.312.941

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (Tiếp theo):

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng (Tiếp theo)		
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	59.731.880	54.257.540
Công ty Cổ phần Xây lắp 1	21.211.501.586	43.056.719.500
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 1 tại Hưng Yên	21.017.656	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 1 tại Hải Phòng	469.778.630	-
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	463.132.790	-
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	23.396.583	17.456.472
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	624.329.480	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	90.152.230	141.536.700
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	45.748.615	35.507.626
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.154.111.250	506.655.500
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	1.604.663.786.166	2.175.040.155.142
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	-	1.598.259.920
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	-	83.655.360
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	-	2.184.480.890
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	83.975.898
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	-	28.361.597
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	-	849.500
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	-	34.738.031
Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	227.192.916
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	-	915.048.378
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Công ty mẹ	-	188.246.866.492
Tổng Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	-	178.131.689
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	-	285.494.730
Công ty Cổ phần Vận tải & Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	-	2.087.270
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	-	12.826.208.688
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên giang	-	246.461.848
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	-	114.399.617.410
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	-	15.401.991

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCPTầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở
Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	46.121.015.459	56.403.649.527
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	30.337.719	4.421.940.538
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Hà Nội	1.822.869.844	-
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	1.144.508.097	-
Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	963.952.593	-
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	2.190.062.645	-
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	4.251.500	-
Chi nhánh Xăng dầu Tân Đức	18.427.042	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	469.234.006	1.526.330.727
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	328.369.470	613.523.391
Công ty Xăng dầu B12	794.790.733	89.418.450
Công ty Xăng dầu Hà Bắc	938.017.803	-
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	430.936.848	-
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn	1.051.422.155	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	54.081.175	641.592.468
Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam	78.051.609	-
Công ty Xăng dầu Nghệ An	901.055.254	2.571.845
Chi nhánh Xăng dầu Ninh Thuận	38.806.773	-
Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên	25.927.018	-
Chi nhánh Xăng dầu Hậu Giang	452.007.111	-
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	776.291.327	3.004.499.626
Xí nghiệp Xăng dầu K133	85.904.990	-
Chi nhánh Xăng dầu Hòa Bình	210.045.348	-
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	145.352.221	-
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	1.658.112.907	923.067.471
Chi nhánh Xăng dầu Bình Thuận	300.000.000	-
Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	1.561.211.777	-
Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	173.529.544	941.664.016
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	651.244.000	2.638.726.175
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO	2.343.922.460	2.237.271.983
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại VITACO	154.358.600	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Xăng dầu Petrolimex	122.368.941	133.016.001
Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	302.332.761	1.182.809.840
Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.109.129.216	924.462.787
Công ty Xăng dầu Yên Bái	885.033.535	280.346.011
Công ty Xăng dầu Thái Bình	434.419.406	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	15.428.500	152.418.550
Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	68.702.095	-
Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	3.328.724.782	1.949.568.687
Công ty Xăng dầu Long An	3.253.225.736	2.597.689.727
Công ty Xăng dầu Trà Vinh	646.949.159	379.656.481
Công ty Xăng dầu Cao Bằng	1.102.394.667	401.620.347
Công ty Xăng dầu Sông Bé	1.058.554.002	606.491.907
Công ty Xăng dầu Tiền Giang	636.844.464	804.557.770
Công ty Xăng dầu Quảng Bình	1.664.395.471	889.276.939
Công ty Xăng dầu Quảng Trị	2.351.864.399	1.371.510.714
Công ty Xăng dầu Lào Cai	63.791.553	467.085.929
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	52.086.236	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	887.137.924	1.242.723.087

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng (Tiếp theo)		
Công ty Xăng dầu Tây Ninh	1.826.303.404	2.412.517.391
Công ty Xăng dầu Đồng Nai	553.198.355	253.454.724
Công ty Xăng dầu Quảng Ngãi	403.054.647	5.806.123
Công ty Xăng dầu Hà Tĩnh	822.147.500	303.066.170
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.330.700.800	317.549.100
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	50.349.979	153.229.230
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây	256.483.600	528.818.755
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	29.334.504	1.016.959.984
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	816.354.694	420.900.990
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	2.252.622.560	556.199.492
Công ty Xăng dầu Khu vực 2	-	2.461.754.119
Công ty Xăng dầu Bắc Sơn	-	2.995.736.778
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	-	2.763.074.963
Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	-	103.516.780
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	-	1.898.326.123
Công ty Xăng dầu Bình Định	-	-
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	20.405.345
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	-	910.365.707
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	-	5.258.819.821
Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	310.365.000
Công ty Xăng dầu An Giang	-	1.051.512.442
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 1	-	383.760.743
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	-	66.716.696
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	-	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào	-	1.410.103.684
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	-	376.847.900
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	980.120.200	216.759.520
Công ty Xăng dầu B12	62.928.623	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	637.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Hà Sơn Bình	108.191.577	216.759.520
Công ty Xăng dầu Lào Cai	172.000.000	-
Trả trước cho người bán	26.085.898.488	45.818.768.943
Công ty Xăng dầu Nghệ An	5.376.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	807.582.921	1.132.750.121
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	29.448.500	-
Công ty Xăng dầu An Giang	9.750.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 1	9.898.461.928	7.738.279.951
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 1 phía Nam	165.609.425	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp 1 tại Hải Phòng	110.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 3	2.606.000.000	543.700.100
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	12.453.669.714	21.033.833.453
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	-	15.314.413.331
Công ty Xăng dầu Bình Định	-	55.791.987

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP

Tầng 18 & 19, số 229 phố Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở

Quận Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải trả người bán	53.571.975.818	655.086.401.795
Công ty Xăng dầu Khu vực 2	109.340.600	1.258.166.349
Xí nghiệp Bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	314.345.550	-
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	1.388.608.600	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	767.229.444	917.954.782
Công ty Xăng dầu Bình Định	900.763	-
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	256.773.287	116.576.330
Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu Petrolimex	701.872.424	573.007.424
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	-	6.000.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	520.673.715	638.173.641
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	221.967.840	-
Công ty Cổ phần Xây lắp 1	-	1.656.117.326
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	49.290.263.595	644.068.314.771
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	60.934.860
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	76.532.500
Công ty Cổ phần Xây lắp 3	-	5.437.000
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	-	70.879.600
Công ty TNHH Castrol BP PETCO	-	5.638.307.212
Người mua trả tiền trước	3.973.664.309	717.365.818
Công ty Xăng dầu Khu vực 1	298.898.200	53.156.683
Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	7.416.829	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 3	-	43.883.532
Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	45.298.810	-
Công ty Xăng dầu B12	21.071.650	129.964.459
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	60.798.585	-
Công ty Xăng dầu Bắc Thái	894.068.081	-
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	117.963.222	-
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	164.718.500	-
Công ty Xăng dầu Bình Định	84.275.546	21.722.579
Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	-	115.839.777
Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	914.625.241	-
Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	283.346.000	-
Công ty Xăng dầu Thái Bình	434.419.406	-
Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu Sài Gòn	46.171.818	-
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	118.423.413	118.975.005
Công ty Xăng dầu Lào Cai	62.864.553	-
Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	52.086.236	-
Công ty Xăng dầu Hà Giang	278.268.219	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	88.950.000	-
Công ty Xăng dầu Nghệ An	-	12.456.675
Công ty Xăng dầu Phú Khánh	-	31.487.108
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	-	98.380.000
Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	-	11.520.000
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Cà Mau	-	37.740.000
Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	42.240.000
Các khoản vay		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	475.997.263.909	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

ĐVT: VND

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		
Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
I. Tài sản					
1. Phải thu khách hàng	131	1.069.256.816.157	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.069.256.816.157
2. Trả trước cho người bán	132	94.646.601.548	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	94.646.601.548
3. Các khoản phải thu khác	135	9.463.124.837	3. Phải thu ngắn hạn khác	136	15.631.683.067
Không có chỉ tiêu tương ứng			4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	282.134.718
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.450.692.948	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
II. Nguồn vốn					
1. Phải trả người bán	312	1.022.052.813.462	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.022.052.813.462
2. Người mua trả tiền trước	313	38.217.139.714	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	38.217.139.714
3. Chi phí phải trả	316	323.154.104	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	323.154.104
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	197.629.430.864	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	197.629.430.864
5. Vay và nợ ngắn hạn	311	1.150.190.991.729	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.150.190.991.729
6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	702.608.370.000	6. Vốn góp của chủ sở hữu	411	702.608.370.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	245.872.557.553	7. Quỹ đầu tư phát triển	418	297.782.197.864
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	51.909.640.311	Không có chỉ tiêu tương ứng		

(Chữ ký)

Nguyễn Quang Hưng
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016

(Chữ ký)

Phường Thảo Hiền
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức
Tổng giám đốc